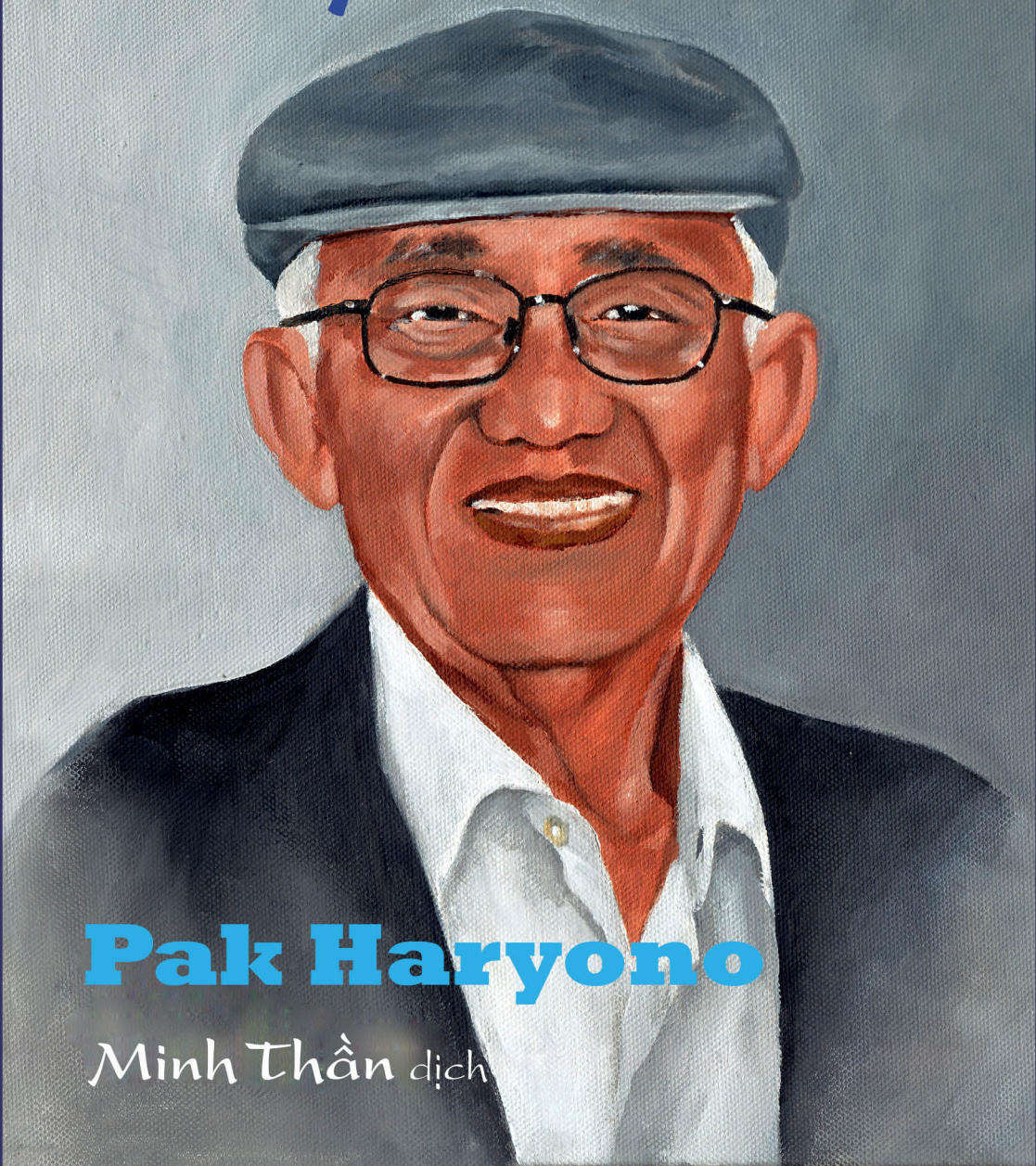


Hồi Ký



Pak Haryono

Minh Thần dịch

Hồi ký Pak Haryono

Nguyên tác A Memoir by Pak Haryono Sumohadiwidjojo

© 2020 Minh Thần & Góc Nhỏ

Phiên bản điện sách 06.2020 Góc Nhỏ

Hồi ký
Pak Haryono

Nguyên tác

A Memoir by Haryono Sumohadiwidjojo

dịch giả

Minh Thần



Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG MỘT

- | | |
|--|----|
| 1. Môi trường thời thơ ấu | 8 |
| 2. Thời kì dẫn nhập về Latihan Kedjiwaan | 12 |
| 3. Những mầm móng tạo nên tính tình. | 16 |
| 4. Sự nảy mầm của cái Tôi tự cao tự đại | 20 |
| 5. Thời kì lang thang | 23 |
| 6. Đi qua ngã khác | 24 |
| 7. Hết đi hoang | 27 |
| 8. Thời kì bão tố | 29 |

CHƯƠNG HAI

- | | |
|--|----|
| 1. Hội Nghị đầu tiên tại Jogjakarta | 32 |
| 2. Thế nào là tư cách và lễ lối hành xử | 36 |
| 3. Vấn đề quan điểm | 40 |
| 4. Một cuộc viếng thăm của các sinh viên đại học
Hồi giáo Syekh Yusuf | 45 |
| 5. Một sự bàn luận về nhận định | 48 |

CHƯƠNG BA 54

- | | |
|--------------------------|----|
| 1. Những cơ sở của Subud | 54 |
|--------------------------|----|

2. Sự va chạm giữa hai văn hóa 58

3. Sự thật về vụ bán ngân hàng Susila Bakti 62

CHƯƠNG BỐN

1. Khi nào tôi cảm thấy thích thú. 65

2. Giúp cho những ai bị chứng mất ngủ. 68

3. Những cảm tưởng cuối. 70

LỜI NÓI ĐẦU

Phụ thân tôi là Mas Muhammed Subud (gọi là Bapak trong sách này) một người sau này trở thành một nhân vật của thế giới.

Trong đời mình Bapak nhiều lần du hành khắp thế giới tới nhiều quốc gia và đô thị. Ông lưu lại nhiều tuần tại mỗi quốc gia, chỉ để đem tới Latihan Kedjiwaan của Subud cho bất cứ ai muốn tiếp nhận.

Kết quả là có hàng trăm người của tới thiếu 90 quốc gia, quốc tịch và tôn giáo khác nhau, hiểu biết và theo tập Latihan Kedjiwaan của Subud.

Nhiều hội viên Subud, đặc biệt những người nước ngoài, do ngưỡng mộ và tôn kính Bapak, yêu cầu tôi viết về những phương diện sáng ngời và đen tối của đời tôi với tư cách một người con của Bapak.

Vì là người con nên đương nhiên tôi đã tham dự vào cuộc đời của Bapak. Do đó mà tất nhiên các con cháu tôi và những người thế hệ này hay những thế hệ tới có thể muốn biết về cuộc đời tôi.

Sách này là một nỗ lực giải đáp những câu hỏi trên và gồm những chương dưới đây:

Đầu đề chương thứ nhất là „Tiểu Sử Sơ Lược,“ trong đó tôi khái quát trình bày những gì mình nhận xét và hiểu biết về đời mình. Đó là tiểu sử sơ lược hay những gì tiêu biểu về cá nhân tôi mà không đi vào chi tiết. Như vậy chỉ để giúp mình nhớ lại như thế nào tôi đã tiếp cận những vấn đề phải đối diện, và quyết định theo những gì có thể lựa chọn.

Đầu đề chương tiếp theo là „Tham Dự vào Lĩnh Vực Kedjiwaan,“ một chương riêng biệt với chương kế tiếp là „Tham Dự vào những Vấn Đề Thế Gian hay Kinh Doanh.“

Chương cuối cùng là „Những Chuyện Linh Tinh,“ trong đó tôi đề cập tới một vài thí nghiệm và chứng nghiệm (trong Subud có thể gọi là tiếp nhận), những điều tôi mong sẽ tạo „hương vị“ cho sách.

Trình bày như vậy cốt yếu là một sự tự khảo sát qua cặp mắt của chính tác giả. Do đó những sự thật nói tới đã bị thẩm qua sàng lọc của những giá trị cá nhân. Người ta sẽ không lấy làm ngạc nhiên, nếu có những sự thật khác từ những nguồn khác hay những cá nhân khác về những hoàn cảnh tương tự.

Haryono Sumohadiwidjojo

Jakarta, tháng 8 năm 1997

CHƯƠNG MỘT

(Tôi xin được minh giải một vài điều về danh từ „Pengakuan“ mà tôi dùng cho tựa đề của sách. Động từ „mengaku“ của tiếng Indonesia có hai nghĩa khác nhau: nghĩa thứ nhất là „tự thú“ hay „thú nhận;“ nghĩa thứ hai là „khẳng định.“)

1. Môi trường thời thơ ấu

Bapak thường lấy gỗ và bìa cứng làm thành những đồ chơi cho chúng tôi; mỗi sáng Thứ Bảy người dẫn chúng tôi đi dạo không mang giày dép để cho chân chúng tôi thấm vào sương mai trong lúc leo lên ngọn đồi Candi; mỗi Chủ Nhật Bapak dẫn chúng đi thăm bạn bè người; mỗi lần chúng tôi nghe thấy những tiếng vỗ tay và cô võ từ một cuộc đá cầu, Bapak lập tức dẫn chúng tôi qua sông đi xem. Bapak không bao giờ để cho chúng tôi chơi đùa lâu với những đứa trẻ khác.

Mẹ ruột tôi, Siti Rumidah, mất trong năm 1937 khi tôi chỉ bảy tuổi. Năm 1942 Bapak kết hôn Siti Sumari. Theo tôi nghĩ, thời gian sống độc thân trong bốn năm với Bapak là khá dài, nhưng khi tìm cách nhớ lại những gì trong kí ức mình, tôi thấy những biên cố của quá khứ hình như chông chéo lên nhau: đầu óc tôi không còn nhận thấy rõ người mẹ nào đã có mặt lúc xảy ra các biến cố.

Cuộc sống chúng tôi mộc mạc, không giàu có. Những điều sau đây sẽ khiến bạn ước đoán được cuộc sống chúng tôi mộc mạc như thế nào. Hồi đó Java vẫn còn dưới sự kiểm soát của thực dân Hà Lan. Nói chung thì dân bản địa sống mộc mạc. Tôi còn nhớ là khi có một buổi ăn mừng hay *selematan*, người ta không đem ra nguyên một trái trứng, mà là cắt nó ra bôn hay tám phần. Sau bữa ăn sáng tôi nhận được một đồng tiền nửa xu là tiền tiêu vặt tại

trường học. Một đứa bạn tôi, con của thầy giáo, nhận được hai xu rưỡi, một đồng tiền hồi đó gọi là *sebengol*. Với nửa xu tôi chỉ có thể mua được một bánh đậu nành, hay một nắm xôi, hay một vài miếng cassava chiên.

Tại Semarang chúng tôi ở trong một *kampong*, một khu nhà xây cất riêng lẻ cho cá nhân, không như những nhà bên đường là những nhà do nhà nước hay một công ty bất động sản xây cất.

Tuy là một *kampong* nhưng nơi đó cũng có điện nước, và một *surau*, một trung tâm nhỏ bé cho những cuộc hành lễ công cộng của người Hồi giáo, một nơi có sàn lát gạch để rửa quần áo và một nơi cho công chúng lấy nước dùng. Theo những gì tôi còn nhớ thì có rất nhiều nước và có lẽ còn có cả một vòi nước máy để chữa cháy. Tuy vậy, các *kampong* không được thiết kế bừa bãi, và hồi đó hình như người ta có tinh thần kỉ luật hơn hiện nay.

Tất cả các căn nhà trong *kompong* đều xây cất bằng gỗ, còn tường thì bằng những cây tre kết lại, hay một nửa bằng gạch, một nửa bằng cây tre, mái nhà thì bằng ngói đất nung, hay bằng những tấm nhôm lượn sóng. Nhà chúng tôi là căn duy nhất hoàn toàn xây bằng gạch, còn cửa sổ, khung cửa ra vào và ngay cả giàn đỡ mái nhà và đòn tay thì bằng gỗ tẻch. Bapak nói với tôi là phải khó nhọc lắm mới được Hội đồng Thành phố cho phép xây cất nhà. Nó được xây cất khi Bapak còn là một nhân viên của *Gemeente* -hiện nay thì gọi là *Kantor Walikota* (Hội đồng Thành phố).

Căn nhà đó khiến tôi nhớ được là Bapak còn dư chút tiền khi làm việc cho nhà nước. Tôi không thể nhớ lại khi nào Bapak vẫn còn đi làm. Có lần Bapak dắt tôi đi dạo để chỉ cho tôi thấy tòa nhà là nơi làm việc của mình. Một điều khác tôi còn nhớ là mình có những món đồ chơi bên tốt và mắc tiền: một xe hơi đạp bằng thứ thép ép với lớp sơn trên đó, và khi tôi đạp, nó chạy rất êm. Tôi còn có một xe ngựa bằng gỗ, một bộ đồ chơi lắp ráp bằng nhựa, một mô hình xe lửa với những đường sắt dài lê thê.

Những đồ chơi đó và những thứ Bapak tự làm ra là những thú vui cho tôi và em trai mình là Haryadi.

Khi Bapak không đi làm, tôi không biết Bapak nuôi ăn cho gia đình như thế nào, vì tôi không bao giờ hỏi.

Đời sống chúng rất yên lặng. Hiện nay có lẽ người ta gọi đó là một đời người mãn nguyện. Hội đó chưa có truyền hình. Chúng tôi không có radio, nên khi muốn nghe radio, chúng tôi trải chiếu trên mặt đất đối diện hàng rào, để yên lặng nghe radio hàng xóm thường thường vụn rất lớn.

Nhà chúng tôi nằm tại góc đường. Nó gồm hai tòa nhà: một tòa bằng gạch là căn nhà chính, và một tòa nhỏ hơn bằng gạch và tường gỗ làm sân đường. Phía bên phải bên kia đường là một gia đình Thiên Chúa giáo. Dọc nghiêng theo đường là một gia đình „dân bản địa“ của Semarang, chủ nhân một bên phà trên một con sông lớn tên là „Banjirkanaal“ nơi giáp ranh thành phố. Chính gia đình đó có radio mà chúng tôi thường nghe lén. Tôi còn nhớ người chủ gia đình đó là một kẻ hút ống điếu, và do đó có cái tên giễu là Pak Min Pipe. Trong những cuộc vui chơi công cộng của thành phố gọi là „bloemenkorso“, Pak Min trang trí xe rước của mình thành một ống điếu.

Dọc hai bên theo con lộ chính là dòng sông. Khoảng 200m cách nhà chúng tôi là một trại lính Hà Lan mà sân trại cũng là nơi dùng chơi đá banh. Đó cũng là nơi Bapak dắt chúng tôi tới mỗi chiều coi đá banh.

Đối diện ngay nhà mình chúng tôi chỉ trông thấy phía sau của ba căn nhà mới bằng gạch bên con lộ chánh. Những căn nhà đó là của những bác sĩ Hà Lan làm việc trong một bệnh viện phía bên kia đối.

Gia đình căn nhà chính giữa có một thiếu nữ cùng tuổi tôi. Một hôm nọ, khi Haryadi cùng tôi đi ngang qua nhà họ, chúng tôi trông thấy họ bước ra ngoài từ xe hơi họ. Tôi nói với Haryadi:

- Lớn lên anh sẽ cưới một người đàn bà da trắng, và đầu anh sẽ hói như người đàn ông Hà Lan kia.

Nhưng hiện nay tôi lại không hói, và không cưới một người đàn bà Hà Lan, mà là một người khác rất đẹp từ miền Tây Java.

Thực ra thì đó không là lần đầu tôi trông thấy một người đàn bà Hà Lan. Ông hiệu trưởng trường học tôi là một người Hà Lan chính cống. Hai giáo viên khác là những phụ nữ Hà Lan còn trẻ, hay có

lẽ là dân lai. Với tôi trông họ rất đẹp. Nếu đi ra ngoài nhà, chúng tôi chỉ đi coi những tuồng wayang (kịch đèn chiếu của Java) Chỉ thỉnh thoảng chúng tôi mới cùng lớp học đi coi một phim tại một rạp chiếu bóng. Tôi thường cùng bà nội đi coi những tuồng wayang (tôi còn nhớ là bà nội rất gần cận và yêu mến mình). Tháng đầu Sura của Hồi giáo, Bapak luôn đưa chúng tôi tới làng Bayumanik, một làng nhỏ bé trên con lộ chánh trước khi tới Rembang. Người trưởng làng là một đệ tử của Bapak, và chúng tôi được mời đi coi một tuồng wayang kéo dài suốt đêm.

Những lúc nghỉ học dài lâu, chúng tôi đi xe lửa cùng với người lái xe lửa, một người ở trọ nhà chúng tôi, tới Pamotan, một tỉnh nhỏ bé bên những ngọn đồi cây lá chanh gần tỉnh Rembang, để ở chung với ông ngoại. Đối với dân ở đó chúng là những đứa bé dân thành thị. Những đứa trẻ nơi đó ngưỡng mộ y phục chúng tôi, và khi có một cuộc thi đua cầu bông, chúng tôi luôn thắng cuộc.

Khi chúng tôi hơi lớn thêm, chị tôi, Siti Rahayu, được tặng cho một xe đạp. Tôi không biết là ai đã mua cho chị, vì tình trạng tài chánh của Bapak đã không khá hơn. Chúng tôi thường được những người khác tặng quà cho. Trước lúc cuối tháng Ramadan bà dì chúng tôi, chồng bà là một y tá làm việc tại bệnh viện Semarang, tặng cho chúng tôi một món quà là những bộ quần áo mới của cửa hàng lớn Westerling.

Với chiếc xe đạp chúng tôi gặp nhiều chuyện chẳng lành hơn. Tôi thường ngồi nơi yên sau đi cùng chị tôi để cùng tới một nơi hay đi lo những chuyện chung. Nhưng đôi khi chị là cùng đi với nhau. Chị tôi luôn có vẻ như có một nơi nào đó để tới. Đôi khi chị đến thăm một người bạn gái, nhưng những lúc khác là vì những chuyện có vẻ khá bí hiểm với tôi.

Do chiếc xe đạp mà một xe ngựa kéo đụng vào gân gót chị tôi.

Một hôm nọ, một chiếc Bemo, một taxi ba bánh đụng vào xe đạp, trong lúc tôi ngồi nơi yên sau. Ngay lúc đó, tôi đá vào chiếc Bemo, khiến nó lật nhào, làm cho một phụ nữ Hà Lan phải bò ra từ đó, thái độ giận dữ và gât gỏng.

Khi về nhà chúng tôi kể cho bà nội chuyện xảy ra. Bà cười rồi nói:

- Các con may mắn vì đã được ba các con che chở nhờ pháp thuật cao siêu của ông.

2. Thời kì dẫn nhập về Latihan Kedjiwaan

Những gì xảy ra chúng tôi coi đó là chuyện tự nhiên. Tôi có thói quen chơi đùa với hay thí nghiệm tay chân mình. Một hôm nọ, trong lúc đang vắn vẹo chân mình, tôi nhận thấy nó luôn cử động.

Trong lúc trở về từ Bogor tới Semarang tôi sáu tuổi và phải vào trường mẫu giáo một lần nữa. Trong lớp tôi cao lớn hơn những bạn học khác, nên phải ngồi hàng sau cùng. Bởi nghĩ không ai có thể trông thấy mình, nên trong lúc cô giáo nói tôi thích đùa chơi với tay chân mình. Trong lúc đang ngồi viết bên bàn học, tôi vắn vẹo các ngón chân. Chợt nhiên tôi nhận thấy ngón chân mình luôn đang làm ‘zikir’ (một động tác lặp đi lặp lại trong lúc cầu kinh). Ngón chân tôi chỉ hết cử động, khi tôi giữ chặt lấy nó.

Lúc về nhà tôi hỏi Bapak điều đó có nghĩa gì. Bapak chỉ mỉm cười đáp:

- Con đừng lo nghĩ gì. Cứ để cho tự nhiên.

Những đứa trẻ khác cùng tuổi có nghiệm thấy y như vậy không thì tôi không biết.

Tôi nhận thấy cơ thể mình đều đặn tăng trưởng. Khi sáu tuổi tôi suýt bị té ngã, và đó là điều khiến tôi tin rằng mình sẽ không bao giờ bị té trong đời mình. Nhận xét cơ thể mình, tôi tự động cảm thấy được nếu vấp ngã hay trượt chân mình sẽ lăn mình hay giữ được thăng bằng mà không phải nằm thẳng tay thẳng chân trên mặt đất.

Khi tôi 16 tuổi có điều này xảy ra là tôi cảm thấy như có cái gì đó thoát khỏi thân xác mình. Tôi cảm thấy như có vật gì đó bao phủ thân xác mình đang tróc vỏ, để rồi ngay sau đó có một vật gì khác. Tôi còn từng được nghe Bapak nói rằng có một chu kì tăng trưởng cho con người là một *windu*, một thời kì tám năm.

Khi tôi còn nhỏ, người ta gán cho tôi ba thuộc tình mọ hồ là *jirih*, *medith* và *jelitheng*. *Jirit* nghĩa là nhút nhát, họ nói rằng đó là vì

tôi sinh lúc giữa trưa. *Medith* nghĩa là bủn xỉn, bởi vì tôi có một đuôi tóc đặng sau đầu. *Jelitheng* nghĩa là than đen bởi vì da thịt tôi màu đen.

Như điều người xưa nghĩ, những thuộc tính đó là do ảnh hưởng của tự kỉ ám thị, do tính tình lúc ta sinh ra, hay do những nét đặc biệt của thể chất, thì tôi thực sự không biết.

Tôi phải nhìn nhận là mình nhút nhát, tôi sợ bóng tối, tôi luôn nhắm mắt lại trên một xe ngựa kéo khi có một xe hơi chạy ngang qua.

Tôi khó thể chấp nhận được thuộc tính *medhit*. Quả thực là tôi thận trọng vì luôn tính toán những giao dịch của mình, nhưng lại không cảm thấy đó là *medith*!

Tôi hãnh diện được gọi là *jelitheng*. Những con đé đen luôn thắng cuộc trong một trận đá đé. Trong tuồng wayang về sử thi Mahabaratha *Jelitheng* là tên họ của Kresna, một nhân vật minh trí, kiến văn rộng và có phép thần thông.

Tôi không thích đánh lộn, nhưng trong những cuộc tranh luận thì thường đứng đầu.

Bapak đã dẫn nhập chúng tôi vào Latihan Kedjiwaan, khi chúng tôi còn nhỏ. Khi tôi chỉ 9 hay 10 tuổi, Bapak bảo tôi và Haryadi, em trai mình, đứng dựa lưng vào tường. Chúng tôi mở mắt như thường, rồi Bapak bảo chúng tôi đứng yên lặng chờ đợi. Bapak nói:

- Các con hãy thử cảm nhận ngón tay mình.

Tôi liền cảm thấy ngón tay mình “nhảy múa” như đang chơi đàn piano và có một dòng điện nhẹ, hay một cảm giác ngứa ran. Sau năm 1941 -sau khi kết hôn Ibu Sumari- thường kể chuyện trong lúc chơi đàn gambang (đàn phím gỗ). Trong một dịp đó, Bapak bảo chúng tôi nhắm mắt lại rồi nói:

- Hãy nhận xét những cảm xúc của mình.

Tôi thường cảm thấy ngực mình đập mạnh như chưa từng thấy, với mỗi tiếng gõ trên đàn. Âm thanh của nhạc lên tới một độ cao

khiến cảm thấy ụ sầu. Bapak không hỏi chúng tôi bất cứ gì. Bapak thường nhắm mắt khi đang chơi đàn, như thích thú âm nhạc của chính mình.

Theo những gì tôi còn nhớ khi còn nhỏ, chúng tôi không bao giờ đặt những câu hỏi. Chúng tôi vẫn còn bị ảnh hưởng bởi văn hóa và truyền thống của Java trong cách đối xử với bề trên. Chúng tôi biết là trong những đêm nào đó trong tuần Bapak có một buổi họp. Bà nội nói với chúng tôi những kẻ đến dự những buổi họp là những đệ tử của Bapak. Vậy, có lẽ Bapak là một ông thầy về một môn gì đó. Một hôm nọ, chính Bapak nói với chúng tôi những kẻ đến nhà mình là để tập luyện. Chữ tập luyện là mượn của tiếng Hà Lan. Hồi đó những đứa trẻ như chúng tôi chưa nghe thấy nói tới Latihan Kedjiwaan. Kể cả chữ Subud.

Thường thường chúng tôi đôi khi nghe thấy những tiếng cười từ những cuộc hội họp. Hình như họ nói tới một điều gì đó, trong lúc người này ngồi gần người kia, và họ cũng không tỏ vẻ nghiêm trang. Bất cứ lúc nào Bapak nói thì chúng tôi có thể nghe thấy những tiếng cười, như có chuyện gì khôi hài.

Những đứa trẻ như chúng tôi thường nhìn trộm vào phòng, đặc biệt khi có một nhóm người từ Jogjakarta. Trong những người đó có một nhân vật khiến chúng tôi chú ý. Khi mọi người đang cười, anh không cùng cười với họ. Khuôn mặt anh luôn mìm cười. Anh vẫn còn trẻ, và cách anh ngồi thì trông như một diễn viên Wayang đang đóng vai Arjuna, hay một hiệp sĩ nào khác của Wayang. Điều sau này xảy ra là nhân vật đó trở thành anh rể tôi.

Đó không là những lúc giảng đạo hay thuyết giáo. Hình như Bapak đang kể chuyện cho chúng tôi nghe. Không hề có ý răn khuyên Bapak kể những chuyện trong sử thi Mahabaratha, hay những chuyện khác. Tôi tình nghi là nhiều chuyện hiện ra trong đầu Bapak một cách tự động và tức khắc.

Chúng tôi luôn kính nể cái tài năng kể chuyện của Bapak. Tôi ước ao có thể được ụ như Bapak. Người đã biến những nhân vật là hiệp sĩ đó thành thần tượng của tôi, đặc biệt Kreshna và Arjuna. Họ khác với những thần tượng là Ninja hay người máy của những đứa cháu tôi.

Một buổi chiều nọ trong lúc đất nước bị quân Nhật chiếm đóng trong những năm đầu của thập niên 40, Bapak kêu gọi chúng tôi cùng nhau tới những bậc thang đằng sau nhà. Trong khi đang nhìn bầu trời, Bapak nói:

- Chúng ta hãy đọc lịch sử từ bầu trời.

Chúng tôi trông thấy những đám mây cuộn cuộn. Hình như gió đang thổi rất mạnh. Chợt nhiên các đám mây đều chia lìa nhau rồi phân tán. Điều xảy ra trông như một hoạt cảnh của những chiếc thuyền và tàu bè hình dáng khác nhau. Bapak nói:

- Những đám mây này cho thấy lịch sử hiện nay của chúng ta. Người Nhật đến trên những tàu bè của họ.

Các đám mây tiếp tục trôi giạt, rồi biến thành những vòng mây nhỏ bé hơn. Chợt có một nhóm những đám mây lớn hơn, hình dáng tàu bè. Chúng tôi vẫn còn đang nhìn bầu trời. Đôi khi tôi có thể cảm thấy tim mình đập.

Tới một lúc nào đó các đám mây cùng nhau tụ tập, rồi chuyển động một cách rất chậm. Có một hình dáng mới, dần dần trở nên rõ ràng hơn, trông giống hình một người Java không lồ. Tôi gọi là một không lồ, bởi nó rất lớn, hầu như bao trùm cả bầu trời. Tôi gọi là người Java, bởi trông người đó có một kiểu tóc với một búi tóc nhỏ như kiểu của Jogjakarta.

Bapak nói:

- Đây là lãnh tụ quốc gia của Indonesia.

Tôi kinh ngạc nhìn. Nhưng cái hình đó cũng phân tán đi mất. Bầu trời bắt đầu trở nên đen tối hơn, các đám mây dày đặc hơn. Bapak đem chúng tôi vào nhà.

Hôm sau, khoảng cùng một thời gian, tất cả chúng tôi lại tụ tập trên những bậc thang đằng sau nhà. Bầu trời lại đầy mây như hôm qua.

Chị Warnati, con gái của Ibu Sumari, tên chị sau này Bapak đổi thành Rochanawarti, cả gan hỏi Bapak:

- Bapak, hình dáng các đám mây luôn có một ý nghĩa?

Bapak đáp:

- Chính chúng ta cho những hình dáng đó một ý nghĩa. Chúng ta lấy mắt mình so đo sự hiểu biết đã có trong lòng cảm xúc mình với những vật bên ngoài.

Chúng tôi nhìn bầu trời một lần nữa. Bầu trời phía đông có hình một đầu người. Càng nhìn lâu, chúng tôi càng thấy rõ hơn; hình đó biến thành đầu của nữ hoàng Wilhelmina, tương tự những gì có trên đồng tiền hai Guilder rưỡi bằng bạc.

Anh tôi, Haryadi, hỏi Bapak:

- Pak, người Nhật sẽ bại trận?

Bapak không đáp, mà chỉ đưa tất cả chúng tôi vào nhà trở lại.

Hồi đó Nhật Bản vẫn còn chiếm ưu thế. Còn là một đứa bé rât ngưỡng mộ quân Nhật đã giải phóng chúng tôi khỏi chính sách thực dân của Hà Lan, tôi sững sốt vì câu hỏi của Haryadi. Đêm hôm đó, Haryadi không ngớt thúc giục chị Warnati trả lời câu hỏi của mình. Haryadi và tôi đều tình nghi chị Warnati đã biết hay được Bapak cho biết về sự kết thúc sắp xảy ra của thế chiến. Cả hai chúng tôi đều thúc giục chị Warnati cho tới đêm khuya, nhưng chị không đáp trả câu hỏi của chúng tôi.

Theo những gì tôi còn nhớ được, lúc đó duy nhất Bapak có một 'trò chơi' với đám mây cho chúng tôi. Kể từ đó trở đi, Bapak không bao giờ còn bảo chúng đọc các đám mây nữa.

3. Những mầm móng tạo nên tính tình.

Cái môi trường nói trên đã tạo nên tính nhút nhát của tôi. Là một đứa bé nhút nhát, tôi đối xử với những người lớn theo điều có thể gọi là bị lép vế.

Tôi không biết những điều này là do đâu: mình có thể che giấu những cảm xúc của mình, mình có thể dửng dưng đối với những người khác, hoặc đôi khi mình còn cứng đầu cứng cổ cam chịu

những gì xảy ra chung quanh. Sau này trong đời mình, tôi thấy những điều đó khiến mình có khả năng thản nhiên nhìn xem những vấn đề mình đối diện mà không bị xúc động.

Tôi nhận thức được là đằng sau hay trong cái tính „trầm lặng“ đó là hai loại năng lượng được che giấu. Loại thứ nhất là năng lượng sáng tạo trong những nghệ thuật như sơn vẽ và viết văn, kể cả viết kịch, tuy một là một khán giả. Bằng cách nhìn xem Bapak như thế nào làm việc với bàn tay khi làm những thứ đồ chơi cho chúng tôi, tôi trở nên khéo léo với chính bàn tay mình: tôi có thể làm một chup đèn với một tấm các-tông. Loại thứ hai là có khuynh hướng phá đám sự an bình của những người khác: tôi thích chọc ghẹo họ mà không có ác ý.

Một cách âm thầm tôi thích chup lấy những cơ hội chọc ghẹo những đứa bạn gái của mình. Tôi thích ngắm nhìn một đứa bạn gái trong lớp 5, một đứa được coi là đẹp nhất. Một hôm nọ, một cách âm thầm và rụt rè, tôi đến gần nó. Tôi đứng chung với những đứa bạn gái khác đang ăn me chua. Tôi hỏi:

- Bạn đang ăn gì vậy?

- Bạn thích một vài miếng, nó đẹp và tôi gặt đâu?

Cũng tại cùng một trường học có một cô giáo dạy tiếng Nhật. Cô có vẻ thích tôi, vì tôi học tiếng Nhật rất khá. Nhưng có chuyện không tốt đẹp này là cô đã lợi dụng tôi. Hình như cô yêu một ông thầy giáo của một lớp học khác. Khi dạy học trong lớp tôi, cô thường bảo tôi đem một bức thư tới cho ông thầy đó. Tôi phải nói đó là trách vụ khá gay go!

Lớp học của ông thầy đó nằm trên lầu. Trường học chúng tôi trước kia là một nhà to bệ vệ thuộc một địa chủ giàu có người Hà Lan đã chết. Tòa nhà đó có một cầu thang rất lớn bằng gạch. Người ta nói là ban đêm thường thấy một cô gái không chân cẳng đang ngồi đó. Nện mỗi lần bước lên cầu thang, tôi phải lấy một hơi thở thật dài, mắt nhắm lại, để hết sức nhanh chóng chạy lên thang.

Khi thiếu giáo viên vì bệnh tật, người thường bảo tôi trông coi lớp 3 trong lúc các học sinh làm bài thi hay chép một bài học trên bảng, còn cô giáo thì tới dạy sinh ngữ tại một lớp học khác. Công

việc của tôi là ngồi trên ghế của thầy giáo để học bài của chính mình và đồng thời trông coi những đứa trẻ khác có tinh nghịch hay không.

Lớp 3 có ba đứa gái ngồi chung với nhau. Hai đứa tôi coi là đẹp, còn đứa kia thì dễ thương. Bất cứ lúc nào tôi được dịp „ngồi“ thay cho thầy giáo, chúng luôn cười khúc khích. Có lẽ có điều gì đó khôi hài về tôi mà chúng nhận thấy, và điều đó khiến tôi cảm thấy bất an.

Một hôm nọ, tôi không nhớ lại tại sao, lớp học chúng tôi bị giải tán. Nên tôi mượn chiếc xe đạp của chị tôi để tới trường lúc tan học. Tôi mong mình sẽ gặp ba đứa gái của lớp 3. Đương nhiên, từ đằng xa tôi trông thấy chúng đang cười khúc khích. Tôi có ý lánh đi nơi khác, nhưng lại quá lúng túng.

Khi chúng tôi gặp nhau, chúng chọc phá tôi. Tôi không thể làm gì khác ngoài việc đứng đó giữ lấy xe đạp mình.

Những truyện Bapak kể cho chúng tôi nghe là một yếu tố hệ trọng trong việc đào tạo tính nết tôi. Theo Bapak, ngoài những truyện đó ra, Latihan Kedjiwaan là phần bổ sung cho sự đào tạo đó bằng cách làm cho tâm hồn được phát triển.

Như đã nói trên kia, có hai nhân vật Wayang, Arjuna và Kreshna, là thân tượng của tôi từ những truyện Bapak kể cho tôi nghe. Bapak cũng nói tới nhiều nhân vật khác, nhưng nói chung thì họ đều như Arjuna và Kreshna. Tuy không còn nhớ tới tên họ nhưng tôi chắc chắn họ đã biến tôi thành một người Java chính cống. Tôi không có ý nói là một nhà huyền học của Java. Tôi còn nhớ là Bapak đã chưa từng dạy cho tôi về huyền học của Java.

Tôi không là một kẻ bị xúc cảm, hay theo cách nói của người Java là một „gumunam“ (dễ bị ảnh hưởng, xúc cảm hay cả tin). Tôi tin rằng cái tính đó là một thành phần tinh túy của „Priyayi Djawa“ (giai cấp thượng lưu của Java). Theo Bapak, có một tính chất khác của „Priyayi Djawa“ là „tidak grayak“ hay tự chế trong sự tranh luận hay tranh giành của cái vật chất (đặc biệt là gia tài).

Bapak có kể một truyện thật đáng chú ý về một cuộc chiến giữa hai người anh em. Truyện đó Bapak liên tiếp kể trong nhiều ngày:

cuộc chiến giữa hai người anh em đó kéo dài nhiều ngày, một cuộc chiến để đoạt lấy ngôi vua và di sản. Một cách ngắn gọn, cuộc chiến không kết thúc với người thắng và kẻ bại, vì người cha họ đã nguyện rửa họ biến họ thành thú vật. Hai người anh em đó phải giảng hòa nhưng đã quá muộn, vì họ đã trở thành thú vật. Thất bại và nhục nhã họ lên xuống những ngọn và hẻm núi mà không bao giờ ngừng chân.

Chúng tôi không giàu có. Bapak không là một ông vua. Nên em trai tôi Haryadi và tôi chưa từng nghĩ tới chuyện gia tài. Điều khắc sâu trong tâm hồn tôi là tranh đấu vì địa vị trước mặt người cha mình là một hành vi hết sức hạ cấp.

Tính „gumuna“ biến tôi thành một người lạnh lùng, như mình thành băng đá hay có thái độ cách biệt. Tôi lấy làm hãnh diện vì cái thái độ khắc kỉ đó, một tính chất mà Arjuna đã chứng tỏ khi đối diện yêu tinh Cakil, trong trận đấu giữa đội bên. Arjuna tỏ thái độ cách biệt, khắc kỉ, thân nhiên đối với sự hiếu chiến của Cakil. Cakil nhìn Arjuna từ trên xuống dưới, tìm cách khiêu khích chàng, ném đá như mưa vào người chàng, đung vào người chàng và phê phán phần này phần nọ bộ y phục của chàng. Thậm chí Cakil còn nâng chàng lên cao, đo lường chiều cao và bập thịch chàng, nhưng Arjuna vẫn thân nhiên, không động tới cả một ngón tay. Chỉ khi Cakil tìm cách hại mình, Arjuna mới có phản ứng thích nghi.

Trong lúc đất nước bị quân Nhật chiếm đóng, Bapak dạy *pencak silat*, một môn võ của Indonesia, cho tôi và những đứa trẻ khác trong kampong. Trong những lúc đó, thiên hạ tại các kampong tổ chức những sinh hoạt công cộng. Có lần Bapak được bầu là người cầm đầu một tổ chức công cộng có tên là *Rukun Tetangga* (Làng Xóm Chung, Súc), và đó là lúc người lập nên một nhóm *pencak silat*. Vấn đề học *pencak silat* với tôi là những phản xạ của tôi không được tốt. Tôi quá „lãnh đạm“ và hờ hững. Tôi cần phải tập luyện những phản xạ của mình, những gì hầu như không có vì cái tính lãnh đạm của mình.

Sau đó, cái tính không dễ xúc cảm cùng với cái khả năng che đậy và ngăn nén nó được thấy rõ hơn, khi tôi nghe tin về cái chết của em trai Haryadi. Đó là một buổi tối tháng 7 năm 1955. Lúc đó đã tối mù khi có tiếng gõ cửa. Khi tôi ra mở cửa, một người đàn ông đứng đó cho hay là phải đến nhận một cú điện thoại từ Jakarta tại

Wirogunan Prison. Nơi tôi ở cách khoảng 300 mét trên cùng một con đường tới Wirogunan Prison. Tôi vội vã đạp xe đạp tới đó. Khi nhắc điện thoại lên, tôi nghe thấy tiếng nói của Bapak từ Jakarta. Bapak thông tin cho tôi về cái chết của Haryadi, và yêu cầu chúng tôi về Jakarta càng sớm càng tốt. Người còn hỏi:

- Apa kamu sudah tahu? (Câu này có thể hiểu theo hai nghĩa: Thứ nhất là con đã hay chưa? Thứ hai là con đã hiểu chưa?)

- Iya sudah tahi, tôi đáp (Câu đáp đó cũng có thể hiểu theo hai nghĩa: Thứ nhất là con đã hay; thứ là con đã hiểu.)

Sáng hôm sau sau lễ an táng, Bapak muốn biết như thế nào tôi đã hay về cái chết của Haryadi, vì hôm qua tôi đã nói mình nghe tin đó.

Mặt đỏ gay vì lúng túng, tôi cho Bapak hay là quả thực mình đã hay được cái tin đó do Bapak. Lúc điện thoại cho Bapak, tôi không có ý muốn nói „sudah tahu“ (con đã biết) mà là „sudah jehas“ (con đã hiểu rõ chỉ thị của Bapak).

Trong lúc tới Úc, tôi cũng che đậy cảm xúc mình. Năm 1977 vợ chồng tôi tới thăm Úc. Vừa mới tới Sydney tôi nhận được một cú điện thoại từ nhà cho hay con trai tôi bị tai nạn lưu thông trên xe gắn máy tại Jakarta. Tôi cũng được cho hay nó đã được đưa vào bệnh viện để điều trị nhưng chẳng có gì đáng ngại.

Theo lịch trình thì chúng tôi phải ở Melbourne hai ngày, hai ngày ở Perth và hai ngày ở Singapore. Chỉ sau năm ngày sau đó trước khi từ Singapore trở về Jakarta, tôi mới cho Ismanah nhà tôi hay về tai nạn của đứa con trai chúng tôi.

4. Sự nầy nham của cái Tôi tự cao tự đại

Tôi học biết nhanh chóng, dù đó là những môn khoa học cần sự tính toán chính xác, là kiến thức tổng quát hay sinh ngữ. Về những môn nghệ thuật, dù là ca hát hay sơn vẽ, tôi luôn đứng đầu. Không là học sinh xuất sắc nhất trong lớp, nhưng tôi được xếp hạng cao, tối thiểu là hạng ba trong lớp. Tôi không ganh tỵ học sinh đứng hạng nhất hay hạng nhì, bởi được điểm cao mà không phải gắng sức.

Tôi thường thấy Bapak giúp người ta bằng cách cho họ một *rajah*, một tờ giấy trắng trên đó liên tục có một đường gạch vế bằng mực. Tờ giấy đó phải đem đi đốt, tro của nó để vào một ly nước để uống. Những môn đồ của Bapak xin Bapak cho một *rajah* vì những chuyện khác nhau: để trị bệnh, để khỏi phải bị chán nản, hay được an toàn khi phải xa nhà.

Tôi cũng xin Bapak cho mình một *rajah* để tránh được tật lười biếng. Bapak cho tôi một cái, tôi đem nó ra đốt, đặt tro vào một ly nước, rồi uống ly nước đó. Nhưng ngay cả cho tới nay, tuổi tác đã cao, tôi vẫn còn lười biếng về chuyện học hành như đã từng lười biếng.

Thực ra, tôi muốn khoe với Bapak là mình có thể học hành tốt mà không phải gắng sức.

Tôi không mất nhiều thì giờ học hành, nhưng suy ngẫm thì rất nhiều. Đó là một thói quen mà tôi ưa chuộng khi vào trung học. Tôi suy ngẫm về mọi chuyện. Nếu buồn phiền, tôi sẽ làm cho sự buồn phiền đó tăng cường tới mức tôi đa mà mình tưởng tượng được.

Nếu đau đớn, tôi sẽ chăm chú vào cơn đau đó. Một hôm nọ, trong lúc đau răng, tôi suy ngẫm về cơn đau đó, bằng cách tập trung vào những nhịp điệu của nó. Trong lúc tôi tiếp tục quan sát nó, nó chợt mất đi.

Người ta nói rằng tôi có khả năng chịu đựng đau đớn mà không để lộ ra ngoài. Thực ra, điều tôi làm là luôn học hỏi cách quan sát cơn đau cho tới lúc nó mất đi. Tôi cũng dùng một số những phương pháp tương tự khác để đối phó với những cảm xúc khó chịu và dôn dập khác. Chẳng hạn, đối với đau bụng, tôi lấy một hơi thở thật dài, một cách đều đặn dưới sự điều khiển của mình. Tôi cũng dùng phương pháp đó để ngăn chặn nôn mửa khi đi tàu thủy hay tàu bay. Cũng nhờ phương pháp đó mà tôi có thể ngăn giữ trong tôi thiếu một tiếng đồng hồ cái áp lực muốn đi cầu.

Kể từ lúc vào trung học, tôi bắt đầu đọc những sách về những đề tài không có trong chương trình học. Một cuốn sách về sự phát triển của tính tình đã để lại một ấn tượng sâu đậm: sách bàn về sự phát triển tính tình của một đứa bé qua những cách khác nhau nhờ đó nó giải quyết được những vấn đề phải đối phó.

Một đứa bé phải giải quyết hết vấn đề này tới vấn đề khác trong suốt cuộc đời nó. Trước hết có lẽ là phải đối phó vấn đề làm cách nào nắm giữ hay nắm lấy một món đồ mà muốn có trong bàn tay. Kế đến là dần dần giải quyết những vấn đề càng lúc càng phức tạp hơn: chẳng hạn như leo thang rồi tới lúc nhảy qua hàng rào, sau đó thì vượt qua một hẻm núi. Thang, hàng rào, khe núi là những thí dụ về điều tôi gọi là những vấn đề càng lúc càng phức tạp.

Sự phát triển của một đứa bé tương ứng với sự phát triển cái khả năng giải quyết được những vấn đề đó. Có những đứa bé quyết tâm hơn những đứa khác vượt qua các vấn đề. Có những đứa bé sợ hãi phải đối phó hay chỉ muốn tránh các vấn đề. Một đứa bé càng vui thích giải quyết các vấn đề, tính tình nó càng trở nên vững mạnh và chín chắn hơn.

Ngược lại, đứa bé càng tránh né các vấn đề và thách thức, cái thế giới của nó càng trở nên nhỏ bé hơn. Đứa bé đó là ẩn dụ của một đồ gốm mảnh mịn, đựng vào một chút có thể bẻ vỡ: một đứa bé rất nhạy cảm nhưng tính tình yếu ớt. Nếu quá mức, cái tính tình đó sẽ khiến nó trở nên cô đơn và bị cô lập.

Những đứa bé càng đương đầu được các thách thức, lòng tự tin của chúng càng vững mạnh thêm, khiến chúng có một cái nhìn bao quát về việc đời.

Cách giải quyết và khắc phục vấn đề của một đứa trẻ không những quyết định sự chín chắn, mà còn ngay cả tư cách của nó. Tùy theo tình cảnh, theo những vấn đề và thách thức, mỗi giải pháp đòi hỏi một lối hành xử đặc biệt. Hợp chung lại, tất cả những lẽ lối đặc biệt đó tạo nên tư cách mỗi đứa bé. Do đó điều này không có gì khiến ngạc nhiên, nếu một đứa bé sau này lựa chọn thành một thầy tu, một người cộng sản, hay ngay cả là một kẻ sát nhân tàn ác.

Sau này trong đời mình, khi tôi lớn lên và bắt đầu đi làm, ảnh hưởng cuốn sách đó đối với mình khiến tôi nghĩ rằng tất cả các hành vi cốt yếu là để đáp ứng một nhu cầu nào đó. Do đó mà tôi thấy khó tin được có ai đó có một ý xấu, đặc biệt một ý xấu đối với mình. Tôi thấy khó tin được những gì người ta kể về một nhân viên bất lương, hay về một kẻ tìm gạt tiền người ta trong một vụ giao dịch. Hậu quả là tôi coi trọng bọn trộm cắp.

Tôi cũng bị mê hoặc bởi một cuốn sách về tâm lí học trong đó tác giả cho hay là trong đây lòng một đứa trai có màn mỏng một sự cạnh tranh giữa mình và người cha mình.

Hiện nay tôi nhận thấy bởi đọc những cuốn sách đó nên tôi đã trở nên tự phụ. Không ý thức được những gì đang xảy ra, tôi thấy mình đang bắt đầu đi lang thang.

5. Thời kì lang thang

Không phải tôi đi lang thang với thể xác mình, mà với cảm xúc mình. Cảm xúc tôi càng lúc đi xa khỏi Bapak.

Từ lúc vào Trung Học tôi biết chắc là mình không thể cạnh tranh với em trai Haryadi mình. Haryadi luôn gần cận Bapak, trong kedjiwaan cũng như trong những quan hệ thế gian. Điều đó là một yếu tố chánh yếu khiến tránh né Bapak để trở về với chính mình.

Như đã nói, chỉ cảm xúc mình là đi lang thang, còn thể xác thì vẫn ở trong nhà cùng với Bapak và gia đình: chúng tôi ăn uống và vui đùa cùng nhau. Tôi vẫn còn tập chung latihan với các môn đồ của Bapak. Đứng ra thì trí tuệ tôi đi lang thang. Thậm chí, tôi còn cảm thấy sự phát triển của trí tuệ làm cho mình bị cách biệt khỏi chính mình. Tôi lang thang đi xa khỏi chính mình.

Có những lúc tôi cảm thấy mình có một nhân cách đa dạng. Tôi hoàn toàn tin rằng sự phát triển của nội tâm không can hệ gì tới sự phát triển của trí tuệ.

Bởi trí tuệ phát triển tăng tiến nên tôi còn tin rằng tất cả những gì chúng ta làm trên thế gian này không thể và không nên làm cho can hệ với những gì chúng ta nghiệm thấy hay tiếp nhận được do Latihan Kedjiwaan. Những gì chúng ta làm trong đời sống hằng ngày hoàn toàn không ăn nhập gì hay có liên hệ gì tới việc mình tập Latihan Kedjiwaan. Subud hoàn toàn không có trách nhiệm về những gì các hội viên làm trong xã hội, dù xấu hay tốt. Cái giả thuyết và thái độ đó của tôi bị kịch liệt chống chọi bởi những bạn bè Subud và những người bạn cùng vào đại học với mình, như Muhammed Icksan, Syafruddin Achmad và những bạn khác. Một hôm nọ, tôi có một cuộc tranh luận với Bapak, vì tôi ương ngạnh lập luận rằng nhà trường là nơi học hỏi để khai triển tính tình và

nhân cách. Ngược lại, Bapak nói rằng Latihan Kedjiwaan là cái quan trọng nhất trong sự phát triển của tính tình, tuy cái quá trình của nó không được nhanh chóng như thiên hạ mong ước. Tôi nói với Bapak là mình khó chấp nhận được điều đó, vì những bận bẻ Subud của mình trong đại học là những kẻ lười biếng đi dự những buổi giảng bài: thay vì vậy họ lại tập latihan.

Tôi nói với họ là theo giả thuyết của mình thì không có cái gọi là „tình yêu“: cái thể chế hôn nhân là một sự sáng chế của con người.

Đời sống tình dục giữa vợ chồng hoàn toàn không dính líu gì tới đời sống hằng ngày. Những gì xảy ra trên giường không có gì là đáng ghi nhớ, hay là đề tài trò chuyện lúc ăn sáng. Tương tự, những cuộc tranh cãi và biện luận xảy ra lúc ban ngày không nên làm hại cho một quan hệ âm cúng trên giường ngủ.

Trí tuệ tôi hằng say đi lang thang, khiến các bận bẻ mình, đặc biệt những ai tranh luận với mình, đặt cho tôi cái tên „đứa con phản nghịch“. Lạ lùng thay, tôi lại hãnh diện vì cái „biệt hiệu“ đó.

Tôi vẫn còn tập latihan, nhưng cũng thích tranh luận với các bận bẻ không trong Subud.

Những hội viên già đời của Subud, đặc biệt các *Pembantu Pelatith* (phụ tá), không lo ngại về những gì xảy ra trong đáy lòng tôi. Họ dùng cơ hội của những buổi latihan nhóm, đề yêu cầu tôi, với tư cách con trai Bapak, „hướng tâm“ tới những hội viên đang cùng tập. Đôi khi tôi có thể làm như vậy một cách tốt đẹp, nhưng trong hầu hết các trường hợp điều đó thật căng thẳng với mình.

6. Đi qua ngã khác

Một trong những điều khiến kinh ngạc về Subud (có người cho đó là trở ngại) là một khi được „khai mở“, ta không thể làm cho „mắt đi sự khai mở“, hay „đóng kín lại.“

Đầu chương tôi đã nói tới việc „trí tuệ mình đi lang thang.“ Tôi cũng mô tả cái quá trình xảy ra trong lòng khiến mình có một nhân cách bị chẻ làm đôi. Trong đoạn này tôi đề cập tới cái khía cạnh không tham dự vào việc đi lang thang của mình. Có lẽ cái khía cạnh đó là cái bao gồm „nơi chứa đựng“ luôn tiếp nhận và cảm

nhận được sự chấn động của đời sống nội tâm mà sau này được gọi là Latihan Kedjiwaan.

Khi tôi nói tới cái khía cạnh đó, điều này có vẻ là sự thật là tôi có một nhân cách bị chẻ làm đôi. Nhưng thực ra chính tôi cũng không biết có đúng là vậy không.

Tôi chưa từng trải qua một sự khai mở chính thức, như tất cả những người con khác của Bapak. Nhưng sau khi chúng tôi cư ngụ tại Jogya trong một thời gian, có lẽ sau năm 1947 (lúc tôi vào Trung Học) tôi được phép tập latihan nhóm, và đó là điều Bapak thường bảo tôi làm. Đôi khi tôi và Haryadi, cùng với người anh em họ Sugiono và nhiều sinh viên đại học khác, tập latihan chung với nhau, vì Bapak bảo chúng tôi làm như vậy khi người có mặt. Chúng tôi tập latihan dưới bóng một thân cây đặng sau căn nhà Jayaningprangan, khi mặt trời đã lặn và lúc bắt đầu tối. Chúng tôi tập latihan trên một cái sân rộng lớn, khiến có thể cảm thấy được tự do và không bị ngăn cản (đó là chưa nói tới cái lợi được dưới bóng mát của một thân cây lớn!). Thực vậy, chúng tôi hằng say tập latihan. Tôi thường chạy theo một nhịp độ như đang cưỡi ngựa. Sau latihan chúng tôi thường thắm mồ hôi.

Hồi đó nhiều hội viên có những latihan rất mạnh. Nhưng cũng có nhiều người trải qua những cơn khủng hoảng kỳ quái. Chúng tôi thường dùng chữ ‘khủng hoảng’ để mô tả một tình trạng hay hoàn cảnh trong đó một hội viên không còn thể tự chủ. Có một trường hợp như thế này: mỗi sáng khi ra mở cửa nhà, em trai tôi thấy một hội viên ngồi khoanh chân trên đất, ngực dề trăn. Điều đó tiếp diễn khoảng một tuần. Anh hội viên đó chỉ chịu ra về khi trông thấy Bapak, và khi Bapak bảo anh về nhà. Anh hội viên đó đã trải qua điều gọi là một cơn ‘khủng hoảng.’ Mỗi sáng anh dền đây không phải vì ý muốn mình, mà vì nội tâm anh bảo anh làm như vậy. Chúng tôi thường nói, để bảo chữa một cách yếu ớt, khi một sinh viên không muốn học hành mà không đi dự những khóa giảng bài, thì đó là thanh lọc và bị khủng hoảng như thế nào đó.

Một cách âm thầm, tôi luôn sợ bị khủng hoảng. Thế nên, trong lúc tập latihan tôi luôn thận trọng. Khi cảm thấy latihan mình quá mạnh và như đang ‘trôi nổi,’ tôi vội ngưng lại. Rồi lại tập trở lại nhưng với một latihan nhẹ nhàng hơn. Khi đang chạy nhanh vòng quanh và mạnh bạo làm *pencak silat*, tôi rón làm cho mình giữ

được thăng bằng để duy trì tình trạng được ‘đầy đủ và sáng khoái.’

Tôi ý thức được nhược điểm đó của mình, và thường tự mình làm trắc nghiệm. Chẳng hạn, tôi trắc nghiệm coi ảnh hưởng của đầu óc mình đối với latihan mình ra sao. Khi tìm cách nhìn lên trên để cầu nguyện, tôi thường thấy bầu trời bị ngăn trở khỏi đầu óc mình bởi một vật hình thù một cây dù.

Những bạn bè đến nhà chúng tôi chơi không hay biết gì về những sinh hoạt của Subud. Có lẽ họ cũng chẳng nhận thấy có gì đặc biệt ở tôi. Nếu có những sinh viên hay những bạn trẻ xin theo tập latihan, thì đó chỉ là vì bố mẹ, thầy giáo hay ai đó khác bảo họ tới.

Một cách âm thầm, thỉnh thoảng tôi dùng Latihan kedjiwaan cho những lợi ích thế gian của mình. Trong sân nhà trường, tôi tìm cách dùng thân giao cách cảm làm cho một nữ sinh chú ý tới mình. Khi chuẩn bị thi cử nhưng thời gian không có là bao, tôi bảo bạn tay mình chỉ cho mình những trang sách nào nên đọc trong sách giáo khoa hóa học hữu cơ dày cộm của Holleman.

Tôi còn nhớ trong lúc học lớp hai ở trung học, tôi thường bảo bạn tay mình vẽ những họa đồ. Đó là trong năm 1949 khi tôi 18 tuổi. Hồi đó mọi thứ đều thiếu thốn và hiếm có tại Jogya. Nhiều đứa trẻ và ngay cả các bố mẹ đều tìm cách làm môi giới. Họ lên lút đi đây đó làm môi giới mua bán. Nhưng tại sao lại lên lút? Có lẽ là vì họ không muốn có nhiều người làm công việc đó cũng như mình. Có lẽ là vì những món hàng của họ bị ngăn cấm, như morphine hay những thứ thuốc khác dưới sự chỉ phối của luật pháp. Quả thực nhiều người đã làm như vậy, khiến cho nhiều học sinh không đi học trong cảnh hỗn loạn đó. Những hoạt động đó là để kiếm lời: mỗi kẻ môi giới tăng giá bán gấp đôi giá mình mua của một kẻ môi giới khác. Thế nên, chẳng có gì ngạc nhiên là giá bán luôn cao. Hồi đó người ta gọi sự hoạt động kinh tế đó của thiên hạ là *nyathut* (dùng kim lấy ra một cái đinh).

Trong những hoạt động đó tôi thường bảo bạn tay mình vẽ một biểu đồ về triển vọng tài chánh của mình. Nhưng điều khiến tôi bức tức là biểu đồ đó luôn thăng bằng, nghĩa là tôi sẽ không thành công trong những vụ giao dịch, và không kiếm được nhiều tiền khiên giàu có. Nhưng tôi vẫn không tin được là như vậy.

Cái lối sống bên ngoài sự thông thường đó không kéo dài bao lâu, vì bị gián đoạn bởi chiến tranh và sự chiếm đóng của người Hà Lan. Ngoài chuyện đó ra Bapak còn có một vài lời khuyên cho tôi: đừng latihan cho những mục đích đó là không thích đáng, bởi như vậy sẽ khiến cho mình bớt nhạy cảm hơn với những hướng dẫn lợi ích và quan trọng hơn. Hơn nữa, nếu trong một giai đoạn của Latihan Kedjiwaan mà chỉ luôn tìm cách rút tĩa được lợi ích của giai đoạn đó, thì sẽ mất cơ hội được tiến bộ để bước vào những giai đoạn kế tiếp.

Một hội viên đàn anh còn khuyên tôi (một lời khuyên tôi trọng vọng và hoàn toàn đồng ý) là không nên trặc nghiệm về mọi chuyện. Bởi nếu lạm dụng Latihan cho những gì không thích đáng, thì như vậy là lạm dụng quyền năng của Thượng Đế.

Sự thật là luôn có những hướng dẫn lợi ích và nghiêm trọng mà mình cần, khi mình không đòi hỏi gì. Một hôm nọ tại Jogyakarta trong lúc đất nước bị người Hà Lan chiếm đóng, tôi cùng một nhóm bạn cắm trại tại vùng ngoại ô phía Bắc thành phố. Hôm đó, nhóm chúng tôi dự tính đi xuống vào thành phố. Điều lạ lùng là trong lúc đi trên một con đê của một cánh đồng trồng lúa, tôi trượt té ba lần. Thế nên, tôi xin phép trưởng nhóm cho mình miễn cùng mọi người vào thành phố, để trở về trại.

Họ tiếp tục đi tới thành phố. Trời đã tối, nên tôi không về thẳng trại, mà đi theo một nhóm khác để lấy phần ăn của mình cho ban đêm. Sáng hôm sau, trước lúc mặt trời mọc, tôi trở về trại và ngạc nhiên nhận thấy nhóm mình cũng đã trở về. Bạn bè tôi, thường thường lớn hơn tôi hai hay ba tuổi, lạnh nhạt chào đón tôi, mặt nhăn nhó, (tôi không hiểu tại sao) nói rằng họ không thể vào thành phố, bởi nó đã bị lính Hà Lan hoàn toàn bao vây. Tôi không có thì giờ tìm hiểu phản ứng của bạn bè mình, mà chỉ tức khắc đi tập Latihan Kedjiwaan để câu nguyện cho mình được Thượng Đế che chở và hướng dẫn.

7. Hết đi hoang

Đối với con người, nếu có gì tốt đẹp thì luôn có cái tốt đẹp hơn, và trên cái là sự thật thì luôn có cái là sự thật hơn.

Năm 1959 là lúc tôi hết đi lang thang. Tôi không có ý nói đó là

lúc mình một con người mới. Việc tôi không còn đi lang thang để trở về với các đồng môn là điều dần dần xảy ra.

Như đã nói trên kia, có những lúc tôi cảm thấy, thậm chí còn tin chắc, là mình đang trải qua những giai đoạn biến đổi của tâm hồn. Năm 1955, sau khi qua cái *windu* thứ ba của mình, tôi bắt đầu cảm thấy cô đơn. Nhiều lần, tôi cảm thấy cực kì lo lắng là không ai biết tới hoặc lo liệu cho mình, nếu có chuyện gì xảy ra, dù tốt hay xấu. Tôi thấy có bất cứ ai lo cho mình. Tôi cần có một người bạn đời. Cái cảm giác nghẹt thở đó kéo dài trong nhiều năm. Nhưng nó dần dà lắng xuống, để cuối cùng mất đi hẳn.

Khoảng năm 1959 tôi còn cảm thấy mình không thể chăm lo cho chính mình để đáp ứng tất cả những nhu cầu của mình. Tôi đã học hành xong và có một bằng cấp kĩ sư. Tôi còn độc thân lúc làm việc cho một công ty tinh chế và đào vàng của nhà nước. Tôi có nhiều bạn gái, trong công sở hay trong Subud; họ làm quen tôi, hay tỏ lòng họ đối với tôi để tôi làm quen họ. Khi hoàn toàn không còn cơn lạnh của sự cô đơn mà tôi đã đề cập, trí óc tôi bắt đầu cho tôi biết là phải lấy vợ.

Tôi biết mình cần phải lấy vợ trước tuổi 30; vì tới tuổi 32 mà chưa có vợ, tôi chắc chắn là mình sẽ suốt đời độc thân.

Thế nên, ngay trong năm đó, tôi viết thư cho Bapak, lúc đó Bapak đã ra nước ngoài, để xin Bapak thay mình đi hỏi bố mẹ Ismana cho mình cưới Ismana, và cũng xin Bapak chúc phúc cho hôn nhân đó. Lễ cưới hỏi xảy ra ngày 21 tháng 2 1960.

Cũng trong năm đó, một người em trai của Ismana, lúc đó chỉ 19 tuổi, bị một cơn khủng hoảng. Anh rất thân với tôi, nên tôi quyết định lập tức khai mở cho anh. Kể từ đó, anh càng thân thiết với tôi hơn.

Sự minh triết mà tôi học được từ cuộc khủng hoảng của em trai Ismana, là điều rất có lợi cho tôi. Mỗi lần được dịp gần gũi nhau, chúng tôi thường tranh luận. Anh thích công kích cái tính tự phụ và cái Tôi của tôi. Cuối cùng tôi dịu lại, vì nhận thức được mình không là kẻ giỏi nhất, mà chỉ như bất cứ các anh em Subud nào khác, vì mọi người đều cần được Bapak trợ giúp và hướng dẫn. Tôi tự xét mình, rồi long trọng thề nguyện với chính mình. Tôi bắt

đầu cảm thấy trong tâm hồn là mình đang trên đường về sau khi đi lang thang.

Thực vậy, tôi không dễ gì nhận thức được điều đó nhờ lý trí, mà hình như đó là sự thôi thúc của *Jiwa*, điều đóng một vai trò quan trọng làm cho tôi trở về cố hương sau khi đi lang thang.

Tôi đã học hỏi được rất nhiều từ những trò chuyện với một người nọ bị khủng hoảng. Khi ta trả lời những câu hỏi về Subud, những đáp vắn của mình cũng là những giảng giải cho chính mình: trong tâm mình có rất nhiều điều mà mình không biết.

Việc tôi trở về cố hương sau khi đi lang thang, đích thực có một ý nghĩa gì không?

Đương nhiên là có. Ngay sau khi Bapak về sau những chuyến đi nước ngoài, tôi đến thăm người. Tuy lặng thinh nhưng trong lòng mình tôi xin Bapak tha thứ cho mình. Tôi cảm thấy mi mắt mình hơi ẩm, nhưng đó chỉ là vì mình không thể khóc trong một thời gian dài lâu.

Nhưng không chỉ có thế thôi.

8. Thời kì bão tố

Khi từ mặt biển chuyển tới đất liền, một cơn bão đã mất đi rất nhiều năng lượng của nó. Tuy đã suy giảm nhưng cái năng lượng đó vẫn còn có thể gây tác hại đáng kể cho bờ biển.

Tôi cảm thấy bên trong cái hệ thống của mình có một khu đất rộng lớn và thâm sâu. Tôi luôn như thể nào đó khoan thai hấp thụ và phóng đại bất cứ cơn buồn phiền nào đến với mình, khiến mình không còn cảm thấy buồn nữa. Tôi luôn đối diện một vấn đề nào đó từ một nơi xa, khiến nó không tác động tới cảm xúc mình. Thế nên, khi viết đoạn „Thời kì bão tố“ tôi khó nhớ lại được là thực sự đã có bất cứ cơn bão nào trong đời mình.

Nhưng nếu coi bão tố là những thời kì cảm xúc không được ổn định, thì có những trải nghiệm và những gì xảy ra đã tạo nên bão tố trong đời tôi. Tuy không có nhiều nhưng tôi cũng đề cập tới ba cơn bão ở đây.

Con bão thứ nhất là nỗi cô đơn không lí do. Có những lúc tôi cảm thấy một nỗi cô đơn sắc bén, một sự vô nghĩa, mà không có bất cứ lí do nào. Có lẽ có một lí do chỉ thoáng qua mà trí óc tôi không nắm bắt được. Trong tình trạng đó tôi rất cần có ai giúp đỡ mình, nhưng lại cảm thấy chẳng có ai hết, và cũng không có nơi nào để tới khiến được trợ giúp. Khi còn trẻ tôi có thể hấp thụ cái cảm xúc đó cho tới khi nó mất hẳn. Nhưng khi tuổi càng lớn, tôi thấy hình như cái khả năng đó đã biến đâu mất. Hiện nay nếu phải đối diện tình trạng đó, tôi thường làm *sholat* hay tập Latihan Kedjiwaan, hay cả hai.

Một hôm nọ, cùng với những người khác trong gia đình, tôi đến thăm một người chị của mẹ tôi nằm chết trên giường. Tôi rón cơi xem cảm xúc mình ra sao. Tôi không thể thấy có gì là buồn phiền, nhưng chợt nhiên trông thấy những ngôi sao trong mắt mình, như khi mình còn bé, và tôi chợt như muốn ngất xỉu. Tôi không hiểu tại sao, nhưng được một người thân nhanh chóng đem mình ra ngoài. Anh nói với tôi là bởi có nhiều người trong một căn phòng chật hẹp, nên có lẽ không có đủ khí ô-xi cho tôi. Tôi tự hỏi mình có lẽ đó là do buồn phiền, hay một cơn não động của cảm xúc chôn vùi trong tiềm thức?

Con bão thứ hai là một nỗi lo sợ tê buốt mình không thể biết hay thích ứng với những gì sắp xảy ra: lo sợ một nguy cơ không dò biết được. Một trong những lo sợ tê buốt hay hốt hoảng đó là trong năm 1948, khi chúng tôi bên ngoài thành phố Jogjakarta dưới sự chiếm đóng của người Hà Lan. Sau khi người Hà Lan tân công doanh trại chúng tôi, tôi mất liên lạc với Haryadi. Chỉ ba ngày sau chúng tôi mới gặp lại nhau. Suốt lúc đi tìm Haryadi trong trạng thái quy thuận, tôi mong sẽ nhận được những tin lành, nhưng trong đáy lòng mình tôi biết là có một cảm xúc bất ổn.

Con bão thứ ba là mê gái. Như đã nói trên kia, tôi không tin có cái gọi là tình yêu, nhưng thực ra thì rất dễ mê gái. Mỗi lần như vậy, cơn mê đó mãnh liệt tới nỗi cảm xúc mình mất thăng bằng. Điều đó không khác gì một cơn ngứa trên da thịt: gãi ngứa chỉ khiến cho trầm trọng thêm. Nhưng nếu cứ để mặc kệ thì sẽ tự động hết ngứa.

Một cơn bão đáng nhắc tới khác trong đời tôi xảy ra trong đêm năm 1948, khi Bapak, Haryadi, bản thân tôi cùng với những người

khác của kampong bị lính Hà Lan bắt giữ. Chúng tôi bị nhốt trong một phòng tối mù bên trong tổng hành dinh của họ, trong đó đã có nhiều người khác, nhưng tôi không biết là bao. Tôi có thể nghe thấy có những kẻ đang cầu nguyện, những kẻ khác thì tụng niệm một đoạn nào đó của kinh Quran. Điều khiến tôi chùng hững là có những kẻ vừa cầu nguyện, vừa than van. Từ một nơi xa tôi nghe thấy được tiếng kêu thét của một phụ nữ bị tra tấn. Theo những gì học được từ một phim xi-nê, Haryadi và tôi lấy trong túi quần ra những tờ giấy (tôi biết trong đó có những giấy tiền hay không) để nhai rồi nuốt vào bụng.

Những lúc rất lo lắng khác là lúc tôi phải dự những phiên tòa dân sự. Tôi thua một vụ kiện nó khiến mất đi một căn nhà. Trong một vụ khác, khi PTS.Widjojo bị một nguyên đơn kiện ra tòa, tôi đã thắng kiện do kháng cáo nhưng đã phải lo lắng đợi chờ trong 5 năm.

Những cơn bão đó có lẽ là cần thiết trong đời người.

CHƯƠNG HAI

DẪN THÂN CHO KEDJIWAAN

1. Hội Nghị đầu tiên tại Jogjakarta

Một cuộc hành trình dài lâu có thành công hay không là nhờ rất nhiều ở bước tiến đầu tiên.

Năm 1954 cuộc gặp mặt đầu tiên là tại Jogjakarta, thủ đô nước Cộng Hòa Indonesia. Hồi đó tôi là một sinh viên 24 tuổi, học môn kĩ thuật hóa học tại đại học Gajah Mada.

Không khí trước lúc Hội Nghị rất căng thẳng, khi các đại biểu tới Jogjakarta. Căng thẳng tới nỗi có thể sánh với lúc sắp có chiến tranh. Đó là một hội nghị đầu tiên. Không ai trong chúng tôi đã từng có kinh nghiệm về việc tổ chức một hội nghị, nhất là một Hội Nghị Subud.

Những người có khả năng cho biết nỗ lực và ý kiến họ về cách chuẩn bị và tổ chức một hội nghị. Một vài hội viên có kinh nghiệm về tổ chức, như các giám đốc và những người giữ những chức vụ cao trong chính quyền. Có khá nhiều những sinh viên đang hay đã hoạt động trong những tổ chức xã hội, hay từng là chỉ huy trưởng của những nghĩa quân là sinh viên. Chính tôi cũng là thành viên ban giám hiệu của đại học Gaja Mada.

Việc tôi tham dự Hội nghị có thể được coi là sự dấn thân chính thức cho Subud hay Kedjiwaan.

Có một vài khía cạnh quan trọng của Hội Nghị mà tôi còn nhớ được:

a) Ngăn cách Bapak hay Kedjiwaan khỏi phương diện tổ chức của Subud, nhưng vẫn giữ được liên hệ giữa đôi bên.

b) Định hướng và cho biết mục đích của tổ chức cùng với truyền thống hoạt động của nó.

Tôi biết là có một không khí hiếu chiến đang hình thành, khi chợt trông thấy những kẻ tham dự chia thành bè phái. Có một nhóm thanh niên có ý định tách biệt mình khỏi các hội viên lâu đời.

Một hội viên đại diện cho Joyakarta nói rằng ta không thể quy định Kedjiwaan về mặt tổ chức. Anh còn nói là những điều lệ hay giới luật trong Kejiwwan đã có sẵn trong miệng lưỡi anh mà không cần phải viết ra. Một hội viên từ Sumatra coi là hết sức quan trọng việc đề cập tới Hội giáo trong bản hiến pháp của Subud. Anh hội viên đó còn hăm dọa là nếu Subud xa rời Hội giáo, thì chính anh sẽ là người thứ nhất làm cho Subud bị nhổ rễ khỏi mặt đất của Sumatra.

Tôi đưa ra một văn kiện để thảo luận. Những người tham dự khác cũng trình bày nguyện vọng của họ, hầu hết đều không viết ra.

Tôi không thể phán đoán cảm xúc của mỗi người. Chính tôi cũng phải lo lắng vì xét theo những nguyện vọng của họ, tôi nhận thấy mỗi người chỉ muốn đi theo con đường lựa chọn của mình.

Cái không khí căng thẳng đó đạt tới chỗ cao nhất trong buổi họp đầu tiên mà đề tài bàn luận là “Những Ý Kiến Chung.” Nhưng sau khi Bapak gửi tới thông điệp của mình, mọi người đều cúi đầu phục tùng, như họ không còn thần trí nữa, không ăn nói gì được, nhất là không thể ăn nói vì xúc động.

Sáng hôm sau, tôi thấy mình phải viết một bản phác thảo về tựa đề. Bản phác thảo cho tựa đề hiến pháp của Subud, tôi đưa cho

Bapak xem. Tôi cho Bapak hay mục tiêu của nó là bao gồm tất cả các nguyện vọng, cũng như giải đáp được những nhu cầu độc đáo của một tổ chức như Subud.

Bapak chấp thuận, và tôi còn nói rằng tựa đề đó là một tuyên ngôn về những gì được coi là của Latihan Kejiwaan của Subud.

Cùng với tựa đề của nó, bản hiến pháp ngắn gọn và linh hoạt đó được thông qua thì Hội Nghị coi như đã làm xong công việc mình, và Hội Nghị cũng bổ nhiệm một ban quản trị mới. Bản hiến pháp lập tức được nộp cho chính quyền xem xét để được chấp thuận.

Năm 1961 có một vài thay đổi trong ban quản trị:

Hội trưởng: R.M.M Soerianata Djoemena

Phó Hội trưởng: Wisnu Hudojao

Thư Ký: Hanafi Sutawidjaja

Phó Thư Ký: Samiadji

Thủ Quỹ: Harun Siregar

Phó Thủ Quỹ: Mudjiono

Như có thể nhận thấy, những ai nắm những chức vụ quan trọng trong ban quản trị đều là những viên chức cao cấp đã về hưu của chính quyền.

Không bao lâu sau đó, Bapak có ý định tự tay mình viết một tựa đề đầy đủ cho bản hiến pháp. Đồng thời đề ổn định ban quản trị, người thay đổi thời gian nhiệm vụ từ một thành hai năm.

Dưới đây là bản sao của tựa đề được bổ sung do chính Bapak viết mà chúng tôi còn dùng cho tới nay.

“Chúng ta tuyên bố nơi đây Latihan Kediwaan mà mình tiếp nhận và theo tập, thực sự chỉ xảy ra do một thái độ hoàn toàn chân thành quy thuận sự cao cả của Thượng Đế.

“Hiển nhiên, khi chân thành quy thuận, tâm trí chúng ta chợt nhiên tự ý không còn hoạt động, nhưng đồng thời chúng ta cũng cảm thấy một sự ‘chấn động’ trong cơ thể, cảm xúc và ý thức biểu lộ thành những động tác và năng lực, điều chúng gọi là Latihan Kedjiwaan.

“Trong suốt lúc tập latihan, chúng ta ý thức được tâm trí mình không còn hoạt động, nhưng vẫn còn nhận thấy một sự thanh thản của ý thức khiến chúng ta có thể tuân theo sự chấn động bộc phát của tâm hồn mà thực chất là để hướng dẫn và chỉ cho chúng ta thấy cách phụng thờ sự cao cả của Thượng Đế.

“Từ những gì chúng ta nghiệm thấy và tiếp nhận trong Latihan Kedjiwaan, chúng ta tin chắc là chỉ có Thượng Đế, ngoài ra không ai khác, mới có thể đưa dắt chúng ta về với Thượng Đế mới có thể biến đổi chúng ta thành những gì tốt đẹp hơn, và làm cho tâm thức và linh hồn chúng trở nên cao quý hơn, theo ý muốn của Thượng Đế.

“Đó là thực chất của Latihan Kedjiwaan mà chúng ta tiếp nhận và theo tập. Thực chất cốt yếu của Latihan Kedjiwaan, hay của những gì chúng ta tiếp nhận trong lúc Latihan, thực ra là sự phụng thờ Thượng Đế. Với sự hướng dẫn của Thượng Đế chúng ta được chỉ cho thấy cách đạt được một tính tình và linh hồn cao quý, như điều Thượng Đế muốn.

“Bởi Latihan Kedjiwaan mà chúng ta tiếp nhận là do lòng nhân từ của Thượng Đế -tất cả những gì Thượng Đế tạo ra đều phụng thờ Thượng Đế- nên sự truyền bá của Latihan Kedjiwaan trên khắp thế giới và sự hưởng ứng của những người nam và nữ thuộc những quốc gia và tôn giáo khác nhau chỉ có thể xảy ra nhờ một thái độ chân thành quy thuận Ý Thượng Đế.

“Tuy nhiên, bởi chỉ là những con người sống trên trần gian, nên chúng ta vẫn còn có những nhu cầu về quần áo và thức ăn, hay những nhu cầu vật chất để an toàn và yên bình sống trong xã hội loài người. Thế nên, ngoài việc phụng thờ Thượng Đế, chúng ta cần phải tạo nên một tổ chức để nhờ cái tổ chức đó để lèo lái đời mình, như điều chúng ta thường làm trên cái thế gian này.

“Tất nhiên, điều rất cần thiết là hình của cái tổ chức đó phải nên

ứng hợp với cái xã hội của mình, với những pháp luật và tất cả các điều lệ của cái quốc gia trong đó nó được thành lập.

“Thế nên, điều cần thiết là cái tổ chức được thành lập và quy định bởi một hiến pháp trong đó không có bất cứ gì trái ngược với phần mở đầu của nó, với những luật pháp và điều lệ của quốc gia trong đó tổ chức được thành lập.”

Trên kia, tôi đề cập tới việc Bapak nói rằng phần mở đầu của hiến pháp là một tuyên ngôn về việc Latihan Kedjiwaan của Subud đích thực là gì. Cho tới nay, tôi chưa từng thấy có một sự diễn giải súc tích và dễ hiểu nào khác về điều đó. Ngoài ra, nó còn là lí tưởng ước ao và sứ mệnh của tổ chức Subud. Thế nên, điều đáng mừng là phần mở đầu đó luôn được đọc lên, đặc biệt ở Indonesia, lúc khai mạc những buổi họp của Subud.

Hội Nghị tại Jogjakarta bế mạc trong sự phấn khởi. Mọi người người đều vui mừng và khuấy khoa. Không có bất cứ dấu hiệu nào cho thấy có những tranh luận sôi nổi, như đã xảy ra.

2. Thế nào là tư cách và lẽ lối hành xử

Năm 1970 trong lúc những kinh doanh của nhà nước được tái thiết, từ địa vị giám đốc một nhà máy nấu chảy và tinh chế vàng và bạc, tôi được chuyển tới một ‘Văn Phòng Phối Hợp’ trong một bộ của chính phủ. Tôi có một chức hiệu ấn tượng là ‘Cán Bộ Chuyên Viên trong Ban Giám Đốc.’ Tôi lúng túng như một con cừu lạc đường. Trước kia, tôi có nhiều người phục mệnh mình, nhưng bây giờ thì tôi không những phải tự lo lấy cho mình, mà còn phải phục vụ những người khác nữa.

Trong lúc đó thì Bapak nói tới cái khả năng tôi trở thành một đại sứ của người: vợ chồng sẽ qua Anh ở trong hai năm để phục vụ những hội viên Subud khắp Âu Châu.

Hồi đó tôi có vẻ như thấy không cần phải nghĩ ngợi gì, nên cuối cùng tôi viết một bức xin từ chức cho ông bộ trưởng bộ khai mỏ. Điều xảy ra là một buổi tối nọ tôi tụ tập vợ con mình nơi bàn ăn để nói cho họ hay: các con tôi nghe thấy là bố mình sẽ không còn là giám đốc nữa trong những tháng tới và sẽ không có bất cứ công ăn việc làm nào khác. Trong thâm tâm tôi e ngại phải đối phó việc

thay đổi nghề nghiệp, bởi kể từ lúc Hội Nghị tại Jogjakarta trong năm 1954 tôi luôn bận việc và ít khi màng tới những sinh hoạt của Subud.

Khi tôi hỏi Bapak mình có khả năng hay không hoàn thành cái nhiệm vụ giao cho, người đáp:

- Tại sao lại không? Con và Ismana sẽ có thể hoàn thành nhiệm vụ mình. Điều quan trọng là con cư xử một cách tự nhiên, như thường làm nơi đây: chỉ việc bình thường là chính mình. Ngoài ra, con chỉ cần phải đợi chờ cho chân tâm mình được Thượng Đế hướng dẫn.

Nhưng tôi lại tự hỏi mình: “Thế nào là tự nhiên?” “Có một ranh giới giữa tự nhiên và không tự nhiên?”

a) Những gì là tự nhiên không là những gì siêu nhiên.

b) Những gì là tự nhiên không là những gì quá đáng.

c) Những gì là tự nhiên là những gì giản dị, ngay thẳng và lương thiện.

Những gì là siêu nhiên không giống như một phép màu. Phép màu là một đặc ân của Thượng Đế và có thể xảy ra bất cứ lúc nào, nhưng phép màu không thể cầu xin. Người ta nói rằng những phép màu xảy ra khi cầu xin là tà thuật.

Tự nhiên tức là không quá đáng, không khác gì hơn những gì một người trung bình thường làm, dù đó là trong tư cách hay lễ lỗi cư xử, trong ý định hay khả năng. Chúng ta không cuồng tín tới nỗi bất cứ lúc nào gặp ai, dù trong câu tiêu công cộng hay rạp chiếu bóng, chúng ta đều tìm cách quảng cáo cho Subud.

Về lễ lỗi cư xử một cách tự nhiên, tôi xin kể một chuyện trong đó có cái Varindra Vittachi, hội trưởng hội Subud Thế Giới. Điều đó xảy ra trong những năm 1970: có lẽ ngay sau khi có Hội nghị Subud Thế giới tại Jakarta. Một nhóm du khách nước ngoài, trong đó có Varindra Vittachi, cùng với Bapak tới tham quan một đồn điền trà, hay đúng ra những gì còn lại của nó, một đồn điền Bapak vừa mua tại Citalahap, một nơi chốn hẻo lánh phía nam Sukabumi, tại miền Tây Java.

Ngay sau khi chúng tôi ra khỏi con lộ chánh, thì trên một hương lộ quanh co không trải nhựa, lớp xe chiếc xe trong đó Bapak ngồi bị xì hơi, khiến đoàn xe phải dừng lại. Mọi người đều xuống xe vì muốn giúp đỡ thay lớp xe. Sau khi lớp xe được thay, đoàn xe tiếp tục lên đường. Nhưng vừa đi được ba hay bốn cây số thì lớp xe đó cũng bị xì hơi. Chúng tôi không thể không tự hỏi là không biết sắp có chuyện gì nữa sẽ xảy ra. Một chuyện xui xẻo như vậy không thường xảy ra mỗi ngày: thông thường xe chỉ mang theo một lớp xe trừ bị.

Trong khi chúng tôi suy tính coi phải làm gì tiếp theo đó, Varindra Vittachi kéo cánh tay tôi tới ngồi nơi một con đê trên một cánh đồng trồng lúa, cách xa những người khác. Anh nói:

- Làm sao một chuyện xui xẻo và lạ lùng như vậy có thể xảy ra cho Bapak!

Một vài vị còn tìm cách phân tích tình hình để tìm xem ai là kẻ có tội, một kẻ phải nhận tội vì để cho chuyện xui xẻo đó xảy ra: kẻ đó đã làm một điều gì sai trái khiến Bapak bị xui xẻo.

Sau này, khi được dịp, tôi hỏi Bapak về những nhận xét của Varindra Vittachi và những phân tích của những người khác về những gì đã xảy ra trong chuyến đi vừa rồi. Bapak nói:

- Varindra là trường hợp của một người cực kì tâm linh. Giả dụ có thể nhận thấy một lí do về chuyện xui xẻo đó, thì chỉ việc dùng cho ai biết mà không tranh cãi hay phân tích gì.

Theo kinh nghiệm sống chung với Bapak của tôi trong nhiều năm, tôi đã thấy nhiều phép mầu xảy ra trong đời Bapak. Nhưng đồng thời tôi cũng chứng kiến những chuyện thông thường tự nhiên xảy cho những thường nhân mà cũng xảy ra cho Bapak. Chẳng hạn, nhà ở của chúng tôi có lần bị trộm cướp đột nhập, và có những chuyện xui xẻo khác nữa mà tôi không còn nhớ rõ.

Chúng tôi được dạy dỗ là phải tin tưởng mình luôn được Thượng Đế che chở. Khi thành đạt hay thất bại, sự lựa chọn đó không là của mình, mà là của Thượng Đế. Bất cứ là lựa chọn nào, chúng tôi tin rằng đó là cách tốt nhất. Chúng tôi được Bapak dạy dỗ là phải luôn đặt mình trong trạng thái phụng thờ và cầu nguyện. Nhưng chúng

tôi cũng được dạy dỗ là phải luôn tỏ ra tự nhiên và bình thường.

Trong đời mình tôi đã gặp nhiều hội viên, trong đó có cả những hội viên lâu đời, nhiệt thành quá mức với Kedjiwaan. Họ kể những chuyện lạ lùng, một vài chuyện đã thành kinh điển, nhưng gần giống với mê tín dị đoan. Tuy thế, những giảng giải của Bapak mà tôi thích nhất, là tại sao mình không để mọc râu hay mặc áo choàng của thầy tu, tại sao mình mặc quần và áo bành-tô như mọi người. Bapak không nói năng giọng nghe khàn khàn, không ho trong lúc nói chuyện, mà là rõ rệt, đôi khi nghe như tiếng hát êm dịu và cười đùa. Đó là vì Bapak nói rằng Subud không khiến cho người ta trở nên “kỳ quái”, mà là phải tự nhiên để thích ứng với cái xã hội của mình.

Tháng, năm...tôi xin từ nhiệm là cho công ty nhà nước, và tháng 5 1972 vợ chồng tôi cùng với năm đứa con với cô em gái của Ismanh lên đường tới nước Anh.

Chúng tôi ở East Finchley, còn trong phạm vi của London. Chúng tôi cư ngụ trong một căn nhà đặc biệt bỏ trống cho mình của một hội viên Subud, tại Shakespeare Garden. Năm đứa con chúng mau chóng thích ứng và được cho vào học tại một trường phổ thông hỗn hợp (cho những đứa trẻ 10 hay 11 tuổi).

Nói chung thì chúng tôi dự những buổi latihan nhóm tại những đô thị khác nhau, trong đó cả những đô thị ở Âu Châu. Chúng tôi cũng dự những buổi họp của Dewan Phụ tá Quốc gia. Nhiều lần chúng tôi phải chăm lo cho những hội viên bị khủng hoảng. Theo những gì mình còn nhớ, tôi không thường phải khuyên răn nên làm những gì. Người ta yêu cầu tôi nói những lời khai mạc cho những buổi họp của Hội. Một hội viên được đề cử làm liên lạc viên cho tôi: người đó là chủ nhân căn nhà tại Shakespeare Garden, và cũng là người đề xuất chương trình hoạt động cho tôi.

Chương trình của chúng tôi rất khó nhọc. Chúng tôi hoàn toàn không coi việc có nhiều hội viên là mục tiêu của mình, tuy có một hội viên có sáng kiến là so sánh số hội viên trước lúc và sau khi tôi đến.

Bôn phận của chúng tôi là trợ giúp các phụ tá, nên mỗi ngày chúng tôi gặp gỡ liên lạc với họ. Tôi còn nhớ là mình thường

khuyến khích những hội viên tỏ vẻ quá nghiêm trọng là họ nên tỏ ra thư thái một chút. Nhưng với những hội viên Tây Ban Nha thì họ lại tỏ ra vui vẻ và thanh thoát.

Mỗi quốc gia có những đặc tính của mình. Chúng tôi cảm thấy thoải mái tại Anh là nơi các hội viên không dè dặt như người Java. Tại Bazel, Thụy Sĩ, chúng tôi cảm thấy mình bị xem xét kỹ lưỡng và là những gì để nghiên cứu. Tại Tây Ban Nha chúng tôi phải thận trọng hơn một chút với những hội viên có chiều hướng coi thường những tầng lớp của tôn giáo.

Tháng 3 năm 1973 toàn thể gia đình chúng tôi phải về Jakarta vì Bapak đau ốm.

Theo anh Matthew Sullivan ở Anh, trong 10 tháng ở đó, vợ chồng tôi đã đến thăm 42 nhóm và dự năm buổi họp, như Hội nghị Quốc gia và những buổi họp của phụ tá.

Cũng trong thời gian đó chúng tôi đã đến thăm những nước như Áo, Thụy Sĩ, Đan Mạch, Na Uy, Hà Lan, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha.

Chúng tôi đã có một cuộc sống thú vị và hài lòng và kết bạn được với nhiều người.

3. Vấn đề quan điểm

Bapak đã cho chúng ta biết một vài nguyên tắc hành xử, hay những gì có thể gọi là quan điểm tiếp cận -nhưng đó không là những giáo lý- khiến chúng ta có thể thành công hơn trong việc tập Latihan Kedjiwaan. Về những quan điểm đó một vài hội viên Subud lấy làm thích thú tạo nên một từ bằng những chữ đầu của một nhóm từ như SIM cho ‘Sabar, Ikhlas và Menyerah’, tức là kiên nhẫn, chân thành và quy thuận, hoặc SITM cho ‘Sabar, Ikhlas, Tawakal và Menyerah,’ tức là kiên nhẫn, chân thành, tin tưởng và quy thuận.

Thái độ kiên nhẫn thực ra rất khó có. Tập Latihan Kedjiwaan càng lâu, ta càng có thể dễ dàng tập và cảm nhận được. Ngày này qua ngày khác, Latihan có vẻ như vẫn là y như vậy, mà không khác với những gì xảy ra trong đời sống hằng ngày. Có thể có một thời

kì dài lâu là Latihan có vẻ như bất động và không thay đổi, và cái tình trạng đó có thể khiến mình dễ trở nên nóng nảy.

Trong Latihan Kedjiwaan chúng được quyền năng Thượng Đế bao bọc, khiến mình có thể cử động cơ thể làm cho nó sống lại, và như vậy chúng ta biết được là có một quá trình đang xảy ra. Cái quá trình đó đi theo hai hướng. Hướng thứ nhất là “đánh thức” và “sắp đặt lại” mỗi bộ phận của con người mình, để chúng ta có thể cảm nhận khá hơn con đường của Thượng Đế. Hướng thứ hai là “thanh lọc” mỗi bộ phận. Trong cái thời kì bất động như đã nói, quá trình thanh lọc có vẻ như ngưng hoạt động. Thực ra thì nó vẫn còn đó và tiếp tục hoạt động bên ngoài sự nhận thức của chúng ta.

Trong trạng thái đó ta dễ bị lôi cuốn -dọ những người khác hay do chính mình- vào chuyện tranh luận về thực chất của Latihan Kedjiwaan, hay vào việc đi tìm những gì là thực dụng của Latihan trong đời sống hằng ngày. Tôi xin đề cập nơi đây một vài trường hợp về cái tình trạng đó.

Tháng 9 năm 1992 vợ chồng tôi ở Amsterdam, Hà Lan, trong nhiều ngày, để đợi chờ visa vào Bồ đào Nha. Bởi có chuyện trực trặc về East Timor giữa Indonesia và Bồ Đào Nha, nên đôi bên đã cắt đứt quan hệ ngoại giao. Người dân của nước này muốn tới thăm nước kịa thì phải trải qua những thủ tục đặc biệt. Cô con gái tôi và anh chồng cô, một hội viên Subud quốc tịch Bồ Đào Nha, sẽ đến đón chúng tôi với hai người con họ.

Tôi có chút thời gian đi thăm Trung Tâm Subud tại Amsterdam để tập Latihan với các hội viên. Nhân cơ hội đó, một hội viên Hà Lan xin đặc biệt được gặp tôi. Nhưng các hội viên khác cho tôi hay kẻ đó chỉ là một người đã từng là hội viên, vì từ lâu anh đã không tập Latihan chung với nhóm. Họ tình nghi anh đã lập nên một nhóm của chính mình.

Nhân vật đó là một kiến trúc sư. Anh đến khách sạn với một người Hà Lan khác, một hội viên Subud làm nghề y sĩ. Điều khiến tôi ngạc nhiên là anh đến với những dụng cụ thu thanh và thu video. Nên chúng tôi phải chọn một nơi vắng lặng tại sân hiên bên ngoài quán nước của khách sạn. Họ đặt một máy quay video trên một kiềng ba chân, và hai máy thu thanh trên một chiếc bàn. Hai chiếc máy thu thanh được khiến cho có thể thu chồng chéo lên

nhau, để luôn luôn có một cái đang thâu, khi phải thay đổi băng. Tôi không thể không cảm thấy mình đã bị gạt gẫm! Ngay lúc đó tôi thấy lo lắng, nhưng cuối cùng đã quyết định là mình không dùng tâm trí để trả lời những câu hỏi của họ. Thay vì vậy, tôi chỉ việc đợi chờ cho xảy ra những gì chợt có từ nơi mình. Tôi vẫn không biết chút gì về việc họ muốn hay không muốn gì ở cuộc phỏng vấn bằng cách dùng máy thâu thanh và thâu video này!

Khi mọi việc đã chuẩn bị xong, anh lên tiếng trước:

- Theo tôi, Subud đã mất hẳn cái đà bành trướng của nó, vì thiếu hẳn những gì là thực dụng trong đời sống hằng ngày.

- Tôi không thể có ý kiến, tôi nói, về những gì anh vừa nói, vì tôi vẫn chưa biết cái chiều hướng theo đó anh muốn nói tới.

Anh nói tiếp:

- Có lần tôi có một giấc mơ. Đó không là một giấc mơ thường, vì nó khác hẳn bất cứ giấc mơ nào khác. Giấc mơ đó thật rõ ràng, theo một trình tự gọn gàng, khiến tôi có một ấn tượng sâu sắc khi thức dậy. Tôi thấy mình thăm Bapak. Tóm lại là tôi được ban cho một thanh kiếm bằng vàng. Bapak nói nhờ thanh kiếm đó tôi có thể chữa bệnh cho mọi người, hay làm dịu bớt những cơn đau do buồn phiền của họ.

- Tôi kể lại cái chứng nghiệm đó cho anh bạn y sĩ đây của tôi. Chúng tôi đồng ý làm theo lời khuyên của Bapak (từ giấc mơ) để lập nên một nhóm bên ngoài Subud Hà Lan. Cái nhóm mới đó chỉ chuyên chú tới chuyện chữa bệnh. Chúng tôi xin Haryono cho biết ý kiến về sự thật của cái chứng nghiệm là giấc mơ đó, về điều tôi có ý làm là có đúng hay không.

- Về giấc mơ đó, tôi đáp, đó là giấc mơ của chính anh, và là sự thật cho chính anh. Tôi không biết Bapak đã trao cho anh thanh kiếm bằng vàng nào. Về cái nhóm anh đã lập, tôi chỉ có thể nói là vừa đúng và vừa sai.

Từ đó tôi bị lôi kéo vào một cuộc tranh luận, và trong suốt lúc đó thì chiếc máy quay video hướng về phía tôi. Tôi biết chắc là anh đã hiểu được Latihan Kedjiwaan là một quá trình trong cuộc đời

mình. Latihan trải qua những giai đoạn “khả năng”: từ khả năng này tới khả năng kế tiếp. Cả hai người họ đều nhận thức được là khi bám vào một trong những giai đoạn của khả năng, sự phát triển hay tiến bộ của Latihan sẽ bị cản trở. Họ còn biện luận là nếu thiếu những gì thực dụng, Subud sẽ không lôi kéo thêm được hội viên, ngay cả những hội viên hiện có cũng sẽ bỏ tập; họ trở nên nóng nảy vì sự “lãng động” của tiến bộ.

- Điều này có thể là đúng, tôi đáp, nếu anh lôi kéo được nhiều người. Nhưng họ đến với tư cách bệnh nhân, chứ không là hội viên.

Tôi lưu ý họ tới những gì viết trong phần mở đầu của bản hiến pháp Subud về những mục tiêu và cái lí tưởng ước mơ của nó.

Về cái nhóm mới thành lập, họ tin đó là hợp với chỉ thị và lời khuyên của Bapak, tôi có ý kiến điều đó đúng nhưng cũng sai, bởi cái nhóm mới đó không còn là một nhóm Subud nữa, mà là ly khai khỏi Subud.

Tháng 8 năm 1993 Hội Subud tổ chức Hội nghị Quốc gia thứ 16. Tôi đặc biệt được tới dự, vì người ta nói là tôi được đề cử làm Hội trưởng Quốc gia.

Là một người trong gia đình Bapak, tôi luôn được mời đi dự mỗi cuộc hội họp, như *Halalhilhalah* (lúc hết Ramadan), Selamatan cho sinh nhật Bapak, hay khai mạc lễ khánh thành của Hội đồng Subud Thế giới, điều xảy ra tại Indonesia. Chúng tôi thường đến với tư cách là khách, mà không dính líu tới cuộc tranh luận về chương trình hoạt động, tuy những người trong gia đình như chúng tôi đôi khi được yêu cầu cho biết ý kiến, hay đọc diễn văn khai mạc.

Hội Nghị Subud là thể chế cao nhất trong tổ chức. Nhưng nó không chỉ là cơ hội cho các đại biểu, mà còn là nơi chôn cho sự gập gờm mỗi lần hai năm của các hội viên khắp Indonesia.

Trước khi mất, Bapak chính thức tuyên bố sẽ không có ai kế vị mình. Các phụ tá sẽ lo liệu Latihan của hội viên (Pembantu Pelatih). Bapak gọi *pelatih* là những ai theo tập Latihan. Có một cơ cấu là Dewan (Hội Đồng) Phụ Tá được bầu cử qua trắc nghiệm cho một nhiệm kỳ là bốn năm. Một khu vực Dewan Phụ Tá được thành

lập để phục vụ cho những nhóm trong khu vực. Một Dewan Phụ Tá Quốc Gia cũng được thành lập cho một nhiệm kỳ cũng là bốn năm. Bapak quyết định là Dewan Phụ Tá Quốc gia sẽ “lấp những chỗ trống” trong sứ mệnh của Bapak, để phát triển Kedjiwaan tại mỗi quốc gia. Cho toàn thể thế giới Bapak quyết định thành lập một Dewan Phụ Tá Quốc Tế, mà thành viên được đề cử từ những quốc gia khác nhau, cho một nhiệm kỳ là bốn năm. Mỗi lần con số các Phụ tá Quốc tế được đề cử là 18 người.

Những ai như chúng tôi trong gia đình Bapak thường không có ý kiến gì, bởi do quy định của Bapak chúng tôi không nên xen vào những chuyện tổ chức cũng như tâm linh -kể cả những chuyện liên quan tới hội viên. Ngoại lệ duy nhất là hành động đúng với những thủ tục đã nói trên, như Bapak đã giải thích.

Tôi chấp nhận cho người ta đề cử mình làm hội trưởng, đúng với những nguyên tắc mà Bapak đã đề ra.

Sau cái trắc nghiệm lúc Hội Nghị, tôi được đề cử là hội trưởng cho nhiệm kỳ 1993-1995.

Như đã nói trên kia, trước khi tôi đi dự Hội Nghị Bandung, người ta hỏi xem tôi có chịu đề cho họ đề cử mình là hội trưởng hay không. Tuy nhiên, kết quả cuộc đề cử đó đã đặt tôi vào một tình trạng thiếu chuẩn bị.

Tôi đã không chuẩn bị một diễn ngôn về việc chấp nhận làm hội trưởng. Tôi còn nhớ tất cả những gì mình đã nói, ngoài hai điều mà tôi coi là hệ trọng, những điều tôi xin được lặp lại nơi đây:

“Việc tôi làm hội trưởng khiến mình có cảm giác là một đứa con hoang đã về nhà.

“Tôi xin được đề ra cái phương châm này: TRỞ VỀ NGUỒN”

Tôi sẽ nói lại chuyện TRỞ VỀ NGUỒN trong chương tới. Ở đây tôi chỉ đề cập tới chuyện “Đứa Con Đi Hoang Trở Về Nhà”.

Thực vậy, đứa con đi hoang đó đã không cắt đứt hết tất cả các liên hệ. Khi tôi trở về nước sau khi là đại diện của Bapak tại Âu Châu, Bapak giao cho tôi một sứ mệnh Kedjiwaan, nhưng không

liên quan chút gì tới Latihan. Bapak giao cho tôi nhiệm vụ xử lý với những nhận xét về Subud của những người ngoài Subud, và đó là chuyện liên quan tới thông tin.

Trong lúc Bapak còn sống, tôi nhớ là có ba dịp mình đã thi hành cái nhiệm vụ đó với tư cách một phát ngôn viên:

a) khi tôi cùng với ban quản trị và văn phòng Kedjiwan phải gặp một ủy ban của Quốc Hội.

b) khi chúng tôi phải trả lời những câu hỏi của những sinh viên và giảng viên của IAIN (Đại Học Hồi giáo).

c) khi một nhóm nghiên cứu Hồi giáo của ông Adam Malik, một cựu phó tổng thống của Indonesia, mời chúng tôi tới hội thảo.

Tôi cũng nghe các anh em Subud khác nói rằng bất cứ lúc nào chúng ta được giao cho một nhiệm vụ trong Subud, thì đó là lúc mình có cơ hội học hỏi. Điều đó tương tự việc làm của phụ tá, khi họ phải trả lời những câu hỏi của các hội viên dự bị. Chúng tôi không bao giờ biết được sẽ có những câu hỏi nào, và cũng không bao giờ chuẩn bị trước đó cách trả lời. Mỗi lần chúng tôi tự đặt những câu hỏi đó cho mình, cách chúng tôi trả lời sẽ là một bài học cho chính mình. Chúng tôi cũng dễ quên hẳn những gì mình đã trả lời. Thế nên, điều này không gây ngạc nhiên là sau một vài năm có một hội viên đến đặt tay lên vai mình, để cảm tạ mình vì những điều mình khuyên bảo. Nhưng chính mình lại không còn nhớ được chút gì.

Vừa rồi, ngày 9 tháng 11 năm 1996, lúc tôi còn là hội trưởng, các sinh viên và giảng viên của đại học Hồi giáo Syekh Yusuf đến thăm chúng tôi. Tôi đã trả lời các câu hỏi và trả lời, cho đăng một bài về chuyện trong Majaḷah Aneka Subud số 167-1996 (một tạp chí Subud). Người ta có thể đọc bài đó để biết được nhận định của tôi về Latihan Kedjiwaan.

4. Một cuộc viếng thăm của các sinh viên đại học Hồi giáo Syekh Yusuf

Thứ Bảy mùng 9 tháng 11 năm 1996, Wisma Subud Cilandak đón tiếp 20 sinh viên của đại học Syekh Yusuf mà người dẫn đầu

là tiến sĩ H.Ali Affandi.

Trước đó IAIN, một nhóm người gồm những thành viên của Quốc Hội, cũng đã đến thăm Wisma Subud. Ngoài ra, còn có những giảng viên nước ngoài, đặc biệt của Thụy Điển. Tựu chung, những cuộc viếng thăm đó là để tìm hiểu Subud.

Các sinh viên của đại học Syekh Yusuf thuộc niên khóa V và VII. Tất cả đều theo phong trào *dahak* [một phong trào quá khích của Hồi giáo]. Cuộc viếng thăm của họ nằm trong chương trình giảng dạy về *Kebatinan* (huyền học).

Tiếp đón các sinh viên là những vị sau đây phải có mặt: hội trưởng và phó hội trưởng, nhiều thành viên ban quản trị, điều phối viên của Dewan Phụ tá Quốc gia, các phụ tá của những khu vực thuộc Jakarta. Phụ tá quốc gia của Tây bộ Java, Ir. Sudarsono, cũng có mặt, cùng với hai hội viên hải ngoại cư ngụ tại Wisma Subud ở Cilandak.

Anh hội trưởng khai mạc buổi họp bằng cách tuyên bố Subud, một hội tâm linh theo tập *Latiahn Kedjiwaan* dựa trên quy thuận, lấy làm vinh hạnh về cuộc viếng thăm này. Bởi trong Subud không phải học bất cứ giáo lý nào, nên Subud cũng không có bất cứ giáo lý nào. Thế nên, để hiểu biết được Subud, các sinh viên nên tìm hiểu từ những kinh nghiệm của các hội viên có mặt trong buổi họp này.

Những tờ giấy in rời giới thiệu Subud được đưa cho các sinh viên đọc. Ngoài ra còn có xuất bản phẩm “Tìm Hiểu Subud.” Tiên sĩ Rahardjo, điều phối viên Dewan Phụ tá Quốc gia, trình bày những đề tài trong các tờ giấy rời.

Một phiên họp đáng nói tới hơn là phần hỏi và đáp: mọi người có cơ hội được tranh luận như trong một lớp học, và sau bữa ăn trưa, họ còn được cơ hội đặt những câu hỏi về mỗi điểm.

Dưới đây là những câu hỏi và đáp được ghi chép lại, như diễn ra trong một lớp học.

Hỏi: Người ta nói trong Latihan Subud các hội viên tiếp nhận được sự giao tiếp với quyền năng Thượng Đế nhờ quy thuận.

Những ai làm *sholat* (làm lễ theo Hồi giáo) thì cũng quy thuận. Cái thái độ quy thuận y như nhau đó có thể đem tới những kết quả khác nhau?

Đáp: Theo chúng tôi thì các hội viên Subud chỉ tập latihan sau khi trải qua một sự “khai tâm,” hay “khai mở.” Thực ra, sự “khai mở” đó là cái Latihan đầu tiên của một hội viên dự bị tập chung với một hay nhiều hội viên lâu đời, những người được gọi là *Pembantu Pelatih* (phụ tá).

Hỏi: Bởi thực chất của *sholat* cũng là quy thuận, nên điều này không tốt hơn hay sao cho những người theo đạo Hồi làm *sholat* trước khi làm Latihan?

Đáp: Điều đó có thể được và cũng nên làm. Khi làm *sholat* chúng ta trải qua một khuôn mẫu cố định. Có thể như thế này và nhiều hội viên Subud đã làm vậy: khi làm *solat* sau *salam* để *zikir*, họ chợt thấy mình trong trạng thái Latihan Kedjiwaan.

Hỏi: Trong Subud không chỉ có những hội viên Hồi giáo, mà còn cả những người Thiên Chúa giáo, đạo Hindu hay những đạo khác. Nếu các tôn giáo đó tượng trưng cho những Thần Thánh khác nhau, thì làm sao họ có tập Latihan mà quy thuận Thượng Đế?

Đáp: Câu hỏi này liên quan tới một quan niệm về Thượng Đế qua trí óc. Quả thực là hội viên có thể hỏi cách làm thế nào để mất đi cái thói quen hình dung Thánh Giá, hay tập trung tư tưởng vào một phần nào đó của cơ thể. Nhưng do Ân Tứ và Ý Thượng Đế nên tất cả những vấn đề đó có thể vượt qua nhờ một thái độ hoàn toàn chân thành quy thuận, mà không mong đợi gì, ngay cả không tìm cách làm cho tưởng tượng ngưng hoạt động với trí óc.

Hỏi: Có những lúc nào đó hội viên có thể có Latihan, tự mình hay với nhóm?

Đáp: Không đúng. Chúng tôi có thể có Latihan bất cứ lúc nào. Nếu tự mình có Latihan, thì có thể tập một lúc nào đó mà mình lựa chọn, nhưng Latihan nhóm thì chỉ tập theo những thời giờ ấn định. Thực ra thì thường được khuyến là đừng tập Latihan quá nhiều, bởi sự tiến bộ của Jiwa không thể bị ép buộc. Chúng tôi tập Latihan nhóm hai lần mỗi tuần, cùng với một Latihan riêng cho mình một

hay hai lần mỗi tuần.

Đó là những gì về hỏi và đáp với các sinh viên. Những ai như chúng tôi có nhiệm vụ tiếp đón các sinh viên thì không nên coi mình hiểu biết hơn họ, nhất là về Hội giáo. Do đó mà chúng tôi đồng ý mình không nên dính líu tới những tranh luận về tôn giáo, hay Hội giáo.

Chúng tôi cũng đồng ý là mình không nên dùng cơ hội đó để tìm cách dẫn dụ người ta vào Subud, tức là không quảng cáo cho Subud. Tuy thế, lúc thông tin bằng cách hỏi và đáp, có một số sinh viên bày tỏ ước muốn có một chi nhánh Subud tại Tangerang, và cũng có những kẻ muốn hiểu biết nhiều hơn về Subud bằng cách mỗi Chủ Nhật đến dự những buổi thông tin cho các hội viên dự bị.

Những câu hỏi đặt ra cho chúng tôi cho thấy là đã được nghĩ trước. Tuy do những người khác nhau đặt ra, những câu hỏi đó như là có một mục tiêu, chứ không do tình cờ.

Nếu xem xét lại những câu hỏi đó, điều họ thực sự muốn hỏi là như sau:

- a) Những gì có trong Subud chỉ là sự sáng tạo của con người?
- b) Trọng Latihan tất cả chỉ là sự xen vào của trí óc, thiên định hay truyền thông tư tưởng?
- c) Có sự giao thoa của ngoại cảm dựa vào khả năng đồng bộ hóa của Latihan?

5. Một sự bàn luận về nhận định

Trên kia tôi đã đề cập tới chuyện tại Hội Nghị Bandung năm 1993 mình đưa ra một tiêu đề hoạt động cho ban quản trị là sự TRỞ VỀ BẢN CĂN. Tôi ý thức được cái tiêu đề đó không những phải được phổ thông hóa cho ban quản trị và các hội viên, mà ngay cả cho chính mình. Tôi cảm thấy mình cần phải hiểu biết chính mình, và đó chính là nghĩa lí của tiêu đề.

Thế nên, ngay sau khi tới Jakarta, tôi thúc đẩy đầu óc mình viết một bản “Chỉ Dẫn của Hội Trưởng” mà tôi phân phát cho tất cả

các thành viên ban quản trị trong buổi họp đầu tiên.

Trở về Nguồn không chỉ là vấn đề quan điểm, mà là có một nghĩa lý trong dài lâu mà ta có thể gọi là một chiến lược. Thế nên, tôi coi chuyện này là một sự tranh luận về ý niệm.

Tại sao chúng ta lại phải TRỞ VỀ BẢN CĂN sau một cuộc hành trình tới nay là 46 năm? Đương nhiên là các thành viên của ban quản trị vừa qua đã tỏ vẻ không hài lòng, bởi họ coi đó là bị chỉ trích về việc đã leo lái Subud theo một hướng đi không đúng. Họ coi đó là bị lên án, vì kết quả việc làm của mình không được tốt đẹp. Như vậy thì cái tiêu đề hoạt động TRỞ VỀ BẢN CĂN thực ra không khác gì với sự kêu gọi đi thụt lùi.

Tôi không bị dồn vào thế bí. Suy xét lại, tôi có thể thấy những lập luận biện hộ dưới đây:

a) TRỞ VỀ BẢN CĂN không là đi thụt lùi, mà là cách chỉ đường đi nước bước, một ám hiệu, hay một phương châm hành động cho chúng ta, để chúng ta hiểu biết khá hơn việc MÌNH TỰ ĐẦU TỚI VÀ CUỘC HÀNH TRÌNH CỦA MÌNH LÀ VỚI PHƯƠNG TIỆN NÀO.

b) TRỞ VỀ BẢN CĂN là sự phản đối lại cách làm việc cứng nhắc theo những quy ước và điều lệ, mà quên mất cái tinh thần và động lực khởi thủy.

c) TRỞ VỀ BẢN CĂN là sự phản đối lại cái khuynh hướng pha trộn hay pha loãng tất cả những gì thực sự là Subud.

Tôi đưa ra một phương châm hành động, và dù muốn hay không, chúng ta cũng phải đi vào cái thực chất hay nội dung. Vì là hội trưởng, nên lĩnh vực bổn phận đặc biệt của mình là những vấn đề thế gian, khác với những trách nhiệm của các Pembantu Pelatıhs trong lĩnh vực tâm linh. Nhưng khi nói tới chuyện TRỞ VỀ BẢN CĂN, tôi không thể không đi vào những khía cạnh Kedjiwaan của Subud, và đó là điều làm cho vài vị Pembantu Pelatıhs cảm thấy hơi khó chịu.

Trong quá trình hòa mình Subud tôi có cơ hội tổ chức hai buổi xê-mi-na về những đề tài là quan điểm về Subud và tiêu đề TRỞ

VỀ BẢN CĂN. Trong hai dịp đó các đồng nghiệp đã nhiệt liệt hưởng ứng. Nhưng sau hai buổi xê-mi-na không tổ chức thêm một buổi thứ ba nữa. Tôi hoang mang không biết sẽ phải làm gì, ngoại trừ quỳ lạy cầu xin Thượng Đế soi sáng cho mình, bởi hai người bạn thân tôi đã chết trong lúc họ đang nói chuyện. Ngoài điều đó ra, tôi không có thời giờ, bởi sự bàn luận về đề tài quan điểm và tiêu đề TRỞ VỀ BẢN CĂN đòi hỏi nhiều thời gian, và nhiệm kỳ hai năm làm hội trưởng thì nhanh chóng trôi qua.

Tiêu đề TRỞ VỀ BẢN CĂN dẫn tới những trận chiến chống lại những sáng tạo của con người, sự chuẩn hóa và những điều lệ quá nhiều. Có nhiều hội viên không tin sự nhận xét của tôi là trong Subud có những sáng tạo của con người.

Sáng tạo của con người là bất cứ những gì được duy lý hóa, hay do trí óc tạo ra.

Cái sản phẩm đó của trí óc có thể mang hình thức một kế hoạch hay sơ đồ về một cao ốc hay một chương trình triển khai.

Trong cuộc đời của nó Subud Subud đã vài lần bị đe dọa và công kích. Bất cứ lúc nào hoài nghi và lo lắng, tôi đều đến hỏi ý kiến Bapak, và người luôn nói: “Có Subud là do quyền năng của Thượng Đế. Thế nên, Subud chỉ biến mất do quyền năng của Thượng Đế. Chúng ta hoàn toàn phó thác mọi việc cho Thượng Đế.” Những lời nói của Bapak làm tôi nhớ tới phần mở đầu của hiến pháp Subud do chính Bapak viết: “Bởi cái Latihan Kejiwaan mà chúng ta tiếp nhận là do Thượng Đế và được bành trướng trên khắp thế giới tới những người nam và nữ thuộc những tôn giáo và quốc gia khác nhau, nên điều chỉ có thể xảy ra nhờ thái độ hoàn toàn quy thuận Ý Thượng Đế của chúng ta.”

Thực vậy, những sáng tạo của con người là sản phẩm của trí óc. Nhưng tất cả những cái đó đều xấu xa mà ta phải chống lại?

Tôi còn nhớ tới lúc biện luận sôi nổi với Bapak về nhu cầu cho một đứa trẻ đi học để phát triển trí tuệ và tính tình của nó. Những sản phẩm của trí óc không nhất thiết là xấu xa, những gì xấu xa là ảnh hưởng của nafsu. Thực vậy, Bapak đã cho phép tôi học hành xong xuôi. Nếu tìm cách tách biệt trí óc khỏi nafsu, thì điều đó như là chẻ đội một sợi tóc. Điều chúng ta chống lại không là sự sáng

tạo, mà là sự ngạo mạn của trí óc, sào huyệt của nafsu và sự gian dối.

Một vài năm sau khi Bapak mất, một buổi họp của Hội đồng Thế giới được tổ chức tại Jakarta. Trong những đề tài được bàn luận, có điều chúng tôi tìm cách hiểu được hướng đi và hình thức tương lai của Subud. Tôi được cơ hội lên tiếng tại buổi họp, nhưng không thể nói gì nhiều, ngoài việc mình không tán thành bất cứ cố gắng nào tạo thành những phương cách truyền bá và làm cho Subud lớn mạnh.

Thực vậy, một vài lần tôi đã gặp khó khăn khi tìm cách tách biệt hay phân biệt các ý niệm khỏi nafsu; điều này cũng khó khăn như phân biệt sự đi tìm chân lí khỏi ước muốn cho sự biện luận của mình là đúng.

Subud càng có nhiều hội viên có học thức, thì người ta càng muốn có những buổi hội thảo trong đó các hội viên trao đổi quan điểm, hay cùng nhau *bersilahturakhmi* (giao du): họ không chỉ đến tập Latihan nhóm rồi bỏ về. Một vài hội viên còn cần phải những sinh hoạt đặc biệt để kích thích trí tuệ.

Bapak thường nói rằng thức ăn và môn thể dục thích đáng cho trí tuệ là hội thảo về kinh doanh. Nhưng không có nhiều hội viên thích thú chủ đề kinh doanh.

Nội nào đó trong sách tôi đã đề cập tới từ ngữ “chuẩn hóa”. Chuẩn hóa, nghi thức hóa, điều lệ hóa, minh giải hóa, hay bất cứ là gì đi nữa, điều tôi muốn nói là sự hệ thống hóa hay giản lược hóa tất cả những giảng giải cao đẹp của Bapak về Latihan Kedjiwaan thành những phát biểu cứng nhắc. Tôi nhớ tới lúc có Hội Nghị tại Jogjakarta một hội viên lão thành mà tôi kính trọng, đã nói rằng trong tương lai các hội viên càng lúc càng thấy khó hiểu hơn những giảng giải của Bapak. Thế nên, sẽ có những người lập ra những điều lệ, tương tự Mười Điều Răn, dựa trên những giảng giải đó. Nhưng nếu vậy thì sẽ thành 10 chương sách.

Những sự chỉ giáo cứng nhắc đó có gì là không thích đáng?

Những cái đó thực ra là một sự PHA LOÃNG. Những điều lệ như vậy sẽ là một bộ GIÁO LÝ, nhưng Bapak đã nhiều lần tuyên

bổ là Subud không hề có giáo lý và điều lệ.

Mới đây có có tiêu đề TRỞ VỀ NGUỒN, một tiêu đề có vẻ hấp dẫn, vì nó phản ánh sự trọng vọng Bapak. Ban đầu, tôi nghĩ mục đích của nó là trực tiếp hiểu biết rõ hơn về Latihan Kedjiwaan từ cội nguồn, những LỜI NÓI của chính Bapak. Tôi có cơ hội được suy xét cái tiêu đề TRỞ VỀ NGUỒN đó, và nhận thấy nó khác với cái TRỞ VỀ BẢN CĂN của mình. Sản phẩm của TRỞ VỀ NGUỒN là HỌC THUỘC LÒNG, nhưng của TRỞ VỀ BẢN CĂN là HIỂU BIẾT.

Tôi thường là một kẻ lười biếng, như đã nói trên kia. Thế nên lý luận của tôi là thà HIỂU BIẾT còn hơn HỌC THUỘC LÒNG. Ở đại học tôi luôn không ghi chép gì, vì muốn hiểu những gì mà giảng viên đang nói. Nhưng anh bạn ngồi gần tôi thì lại nghĩ rằng mình không cần phải hiểu, vì anh chỉ muốn chép lại từng câu từng chữ của giảng viên. Điều đó có lợi cho tôi, bởi sau đó tôi mượn lại những gì anh đã ghi chép.

Có điều kỳ lạ này là khi học môn lô-ga, tôi không thể nhớ lại các công thức, như về cộng và nhân và những cái khác. Lý luận của tôi là TRỞ VỀ BẢN CĂN: hiểu được ĐỊNH NGHĨA của lô-ga. Từ đó tôi suy luận ra những công thức về cộng và nhân.

Nếu bị giản lược hóa thành thủ tục và công thức, một vấn đề sẽ kết tinh thành giáo lý, và các công thức hay giáo lý sẽ luôn có khuynh hướng biến thành điều lệ. Nếu nafsu chiêm lấy trí óc mình, một hội viên sẽ biện luận vượt ra ngoài những gì là định nghĩa. Tương tự, người ta cũng có thể biện luận cho phép mình chạy trên một bãi cỏ có bảng cấm “Cấm đi trên bãi cỏ”.

Các anh em ngoài Indonesia thường có đầu óc biện luận. Thế nên, khi có một thông điệp, như tại Hội nghị Quốc gia ở Anh trong năm 1972, tôi thường thận trọng cho hay cái thông điệp đó có điều đặc biệt. Tôi coi điều này hệ trọng: bất cứ lúc nào thực hiện những khuyến cáo của Hội Nghị, chúng ta không chỉ làm theo những khuyến cáo đó, mà còn phải làm theo đúng tinh thần của nó.

Những sáng tạo của con người với cái khuynh hướng chuẩn hóa thường dễ dẫn tới việc có quá nhiều các điều lệ. Chẳng hạn, trong những điều lệ về tổ chức của Subud tại Indonesia giữa những năm

1995 và 1997, tất cả các khía cạnh về Kedjiwaan và bốn phận phụ tá đã được chi tiết hóa. Tương tự một điều gì như một phòng điều chế cho Kedjiwaan đã được thể chế hóa. Tôi thấy đó là một bước tiến tới con đường có quá nhiều các điều lệ, như đang tìm cách đi trước Thượng Đế. Đó là một trong những khuynh hướng trái với sự TRỞ VỀ BẢN CĂN.

CHƯƠNG BA

DẤN THÂN VÀO VẤN ĐỀ THỂ GIAN VÀ KINH DOANH

1. Những cơ sở của Subud

Khi tôi viết bản thảo cuốn sách này -trước lúc Hội nghị Thứ mười Subud Thế giới tháng 7 năm 1997- thì đã có một số những cơ sở của Subud. Một vài cơ sở hoạt động trong lĩnh vực xã hội, những cơ sở khác thì có mục đích quản lý những tài sản của Subud, như YDSI (Yayasan Dana Subud Indonesia, quỹ tài trợ cho Subud Indonesia), YMS (Yayasan Muhammad Subuh, cơ sở Muhammad Subuh), YS (Yayasan Subud, cơ sở Subud) và Wisma Subud Cilandak (trụ sở Subud Cilandak) gồm một khu vực rộng 3,5 ếch-ta cùng với nhiều cao ốc, kể cả phòng tập Latihan, dưới sự quản lý của Yayasan Subud. Có một cao ốc rộng lớn dưới sự quản lý của Yayasan Muhammad Subuh, nơi ăn chôn ở trước đây của Bapak. Một khối nhà ba tầng và một số những căn hộ biệt lập được dùng làm nơi tiếp khách dưới sự quản lý của Yayasan Subud. Có hơn 10 căn hộ mà chủ nhân là những cá nhân. Wisma Subud có một nhà máy điện đi-ê-den riêng biệt, một nguồn cung cấp nước giếng cho mọi nhà.

Trong những năm 1950 Bapak mua khu đất Wisma Subud từng phần một, đầu tiên là một hay nửa ếch-ta bên lề đường. Ban đầu,

Bapak dùng nơi đó làm nơi vui chơi cho con cháu mình và một vài hội viên Subud trong những ngày Chủ Nhật hay những ngày nghỉ.

Ngay sau đó, một khối nhà được xây cất để cung cấp nơi ăn chốn ở cho những người đến thăm. Có một tòa nhà cô định được dựng thành nơi tập Latihan. Trước khi có “Căn Nhà Lớn”, nơi cư ngụ của Bapak, người ăn ở trong một khối nhà sau này dùng làm nơi tiếp khách. Bapak còn mua thêm khoảng một hay nửa êch-ta đất, nơi hiện nay có tòa nhà mái vòm bằng bê-tông làm nơi tập Latihan.

Tôi chưa từng thấy những điều này trước khi Wisma Subud được xây cất: một họa đồ của nó, một sơ đồ của tổ chức Subud cùng với những chức năng và sứ mệnh của nó. Tất cả những cơ cấu đó đã thành hình do tâm nhìn rộng của Bapak. Nhưng có thể nói Wisma Subud hầu như đạt được sự hoàn thiện, vừa là là trường sở, vừa là nơi thờ bái.

Bapak, Ibu và con cháu là những cư dân chánh yếu. Một số gia đình Indonesia cư trú tại đó, để khi Bapak và Ibu bất cứ lúc nào cần tới họ. Một vài người nước ngoài, đơn độc hoặc gia đình, cũng ở đó theo sự khuyến cáo của Bapak.

Có lẽ một lúc nào đó có 25 hội viên thuộc những quốc gia khác nhau ở Cilandak, khiến họ có thể tập Latihan bên cạnh Bapak. Những hội viên Indonesia muốn tập Latihan bên cạnh Bapak thì cũng tới đó.

Buổi trưa Bapak thường đi vòng quanh khu vực, ngồi xuống dưới bóng mát, và mời nhiều người đến thăm tới chung quanh mình, để kể chuyện cho họ nghe. Bapak cũng thường tập Latihan với mọi người.

Những người thường đến, đặc biệt các phụ nữ, luôn có nhiều chuyện để làm. Mỗi ngày họ phân chia cho nhau bốn phận trợ giúp Ibu săn sóc cây cối, hay tu sửa lại bàn ghế và màn cửa trong Căn Nhà Lớn. Đôi khi họ cũng giúp nấu ăn trong bếp.

Có lẽ do yêu cầu của Bapak, nhiều phụ tá hay hội viên thâm niên ở đó để giải đáp những câu hỏi và kêu ca của hội viên, khi Bapak không “đi xuống.”

Trong tháng trai giới Ramadan, nhiều hội viên hải ngoại tới tham dự, nên số người tăng lên gấp ba tới bốn lần.

Tôi tham gia Yayasan Subud với tư cách chủ tịch ban giám đốc. Khi Yayasan thành lập, tôi sinh sống tại Jakarta, cách xa Cilandak. Tuy nhiên, tôi đã nghiêm túc nhận cái bổng phận Bapak giao cho mình. Bapak có một vài lời khuyên cho tôi, những điều sau này tôi coi là phương châm hành động để hoàn thành nhiệm vụ mình:

“Yayasan được thành lập để nhận những món quà. Đó thường là những gì cho Bapak, chứ không cho Subud. Nhưng Bapak sẽ dùng những cái đó để phát triển Subud. Là thừa tự của Bapak, con phải hiểu được điều đó.”

Cũng có những lời khuyên khác cho tôi là của anh Muhamad Usman, thủ quỹ của Bapak: “Wisma Subud là nguồn gốc thu nhập của Bapak và gia đình để chi tiêu cho đời sống.”

Đó là bối cảnh sự thành lập của Yayasan Dana Subud với Bapak, ba người con của Bapak là cá nhân tôi, chị Siti Rahayu, em gái Siti Hardiyati, cùng với ba người bên ngoài gia đình, những người được Bapak đề cử là anh Usman, tiến sĩ Prio Hartono và anh Soedonohardjo. Tôi được đề cử làm chủ tịch, tất cả những người khác là ủy viên nhưng không được trả lương.

Chỉ sau năm 1967 tôi mới tới ở Cilandak, tại một nơi phía Nam Kebayoran Baru để tích cực quản lý Wisma Subud.

Tuy địa vị là chủ tịch nhưng tôi cũng không biết gì nhiều và không tham gia những chuyên tài chánh của Yayasan Subud.

Hiện nay, không là lúc Bapak sở hữu đất đai trong những năm 1950, tài sản của Wisma Subud có thể đáng giá hơn một tấn vàng.

Wisma Subud trở nên rộng lớn, khi tòa nhà tập Latihan được xây cất cho Hội nghị Subud Thế giới trong năm 1972. Kể từ đó, nó trở thành nơi ăn chốn ở tạm thời cho nhiều hội viên hải ngoại tới thăm Bapak. Trong tháng Ramadan nó đầy nhóc những hội viên hải ngoại tới dự trai giới. Tình trạng còn y như vậy cho tới khi Bapak mất. Từ đó, nó như một con gà con đã mất gà mẹ.

Các hội viên, đặc biệt những hội viên hải ngoại, có nhiều ý kiến về cách sử dụng và quản lý khu vực đất giá đó. Nhưng cho tới nay, tôi không thấy một ý kiến nào có thể theo được.

Nhân dịp Hal-bilhalal, lúc hết Ramadan, với sự tham dự của nhiều khách hải ngoại, tôi đưa ra đề nghị đem lại sức sống mới cho Wisma Subud Cilandak, cùng với tư gia của Bapak tại Pamulang, nơi an nghỉ cuối cùng của Bapak tại Sukamulya Cipanas, và có thể luôn cả nơi sinh quán của Bapak tại làng Kedungjati, một trong những nơi hành hương.

Ban đầu Yayasan Subud được thành lập dưới cái tên Yayasan Dana Subud, cơ sở quỹ tài trợ Subud. Nhưng ban quản trị của Subud (tôi không nhớ là năm nào) nhận thấy nhu cầu thành một quỹ tài trợ tạo phương tiện cho việc xây cất những trụ sở Subud tại nhiều đô thị. Để tránh tình trạng nhiệm vụ trùng khớp, Bapak khuyến cáo đổi tên Yayasan Dana Subud thành Yayasan Subud, để đặt trọng tâm vào chức năng quốc tế của Wisma Subud Cilandak.

Một ngày sau khi Bapak mất, Varindra Vittachi đến gặp tôi, anh là người đã thành lập cơ sở Muhammad Subuh ở Hoa Kỳ. Anh đề nghị với tôi cái khả năng giải tán hay hỗn hợp Yayasan Subud thành cơ sở Muhammad Subuh. Varindra đến thăm tôi tại văn phòng của tôi, và chúng tôi đã trò chuyện thân mật. Tôi còn nhớ là hồi đó tôi đã âm thầm dò hỏi chân tâm mình, rồi nói với Varindra là mình không tán thành đề nghị đó.

Trong một năm nào tôi không còn nhớ, nhân vụ Anugraha bị phá sản, một hội viên có ý kiến là chúng tôi, những con cháu của Bapak phải quyết định bán Căn Nhà Lớn (trước đó là nơi cư ngụ của Bapak và đã được đăng ký Bapak là sở hữu chủ). Theo ý hội viên đó, nếu bán căn nhà đó thì sẽ có tiền đắp vào cho sự phá sản Anugraha.

Nhờ thiện chí và lòng tốt của nhiều hội viên hải ngoại, Căn Nhà Lớn vẫn còn là bất động sản của Subud. Để có người trông coi bất động sản đó, Yayasan Muhammad Subud được thành lập với Abdullah Pope, anh Ir. Kuswanda và chị tôi Ibu Rahayu. Sau khi cơ sở Muhammad Subuh thành lập ở Hoa Kỳ, người ta quyết định tại Hội nghị Subud Thế giới ở Spokane, nước Mỹ, các thành viên của Yayasan Muhammad Subuh nên từ nhiệm để trao lại sự trông

coi đó cho cơ sở Muhammad Subuh. Đó là chuyện như thế nào Wisma Subud Cilandak có liên quan tới Yayasan Subud, Yayasan Dana Subud Indonesia và văn phòng của PPK Subud Indonesia (Hội Subud Indonesia).

Tới đây, tôi muốn được nghe biết ý kiến của những hội viên Indonesia hay hải ngoại, đặc biệt những ai hỏi khi nào Wisma Subud Cilandak lấy lại cái chức năng xưa kia của nó là một nơi thờ phụng cho những ai muốn gần cận Thượng Đế.

2. Sự va chạm giữa hai văn hóa

Cái văn hóa kinh doanh của người Indonesia khác hẳn của người Tây phương. Sự khác biệt đó có thể đối chọi nhau.

Bapak nhắc đi nhắc lại là Subud có thể tạo hòa khí giữa những người quốc gia và tôn giáo khác nhau. Điều đó đã được chứng tỏ không những trong cách chúng ta sống chung với nhau, mà còn cả trong công việc và kinh doanh của chúng ta.

Sau khi tôi thôi việc không làm cho công ty nhà nước, Bapak luôn coi tôi là người dẫn đầu phía kinh doanh của Indonesia, trong đó những người quốc gia khác nhau làm chung với nhau, như những kinh doanh: SUB (Simar Utama Bahagia, Dự án Tinh chế Đường), PTS.S.Widjojo (Công ty Xây cất Sumohadiwidjojo), Ngân Hàng Susila Bakti, và PCB (PT. Pancaran Cahaya Bahagia, Dự án Nhà ở Tangkiling) cùng với Công ty Đào vàng của nó.

Tôi không bao giờ hỏi Bapak, mà chỉ có thể đoán tại sao Bapak coi mình là người dẫn đầu. PT. Widjojo là công ty duy nhất Bapak tự tay mình lập nên, còn những công ty khác là những công ty Subud theo nghĩa được lập nên bởi và cùng với hội viên Subud. Theo đúng định nghĩa, Subud không ĐIỀU HÀNH và SỞ HỮU bất cứ công ty nào. Điều thường được gọi Subud kinh doanh là những công ty mà vốn đầu tư là của những hội viên Subud NÀO ĐÓ -những người có tiền vui lòng làm ăn- và nhiều trong họ tự nguyện hợp những công ty đó thành một kinh doanh Subud.

Tôi xin nhắc lại là mình chỉ có thể đoán những gì trong đầu óc Bapak. Theo tôi, đó là vì tôi là con trai Bapak: người ta mong đợi tôi có đủ ảnh hưởng và tư cách liên hệ với những người tham gia

nước ngoài, tôi là kẻ gần cận Bapak có khả năng làm trung gian cho những người tham gia Indonesia không can đảm trực tiếp giao thiệp với Bapak. Và người ta cũng mong đợi tôi hiểu được những nguyện vọng của Bapak. Với những đoán mò đó, tôi thực hiện cái sứ mệnh Bapak giao phó cho mình.

Đương nhiên, dù cái nhiệm vụ hay sứ mệnh đó là gì đi nữa, kết quả không luôn được mãn nguyện, mà còn tệ hơn nữa, nếu tìm cách làm vừa lòng mọi phía, mỗi bên thường đeo đuổi những quyền lợi hoàn toàn đối nghịch. Tôi thường cảm thấy mình bị xúc phạm, khi nghe người ta nói mình được địa vị đó không do khả năng - họ còn nói tôi không hiểu chút gì về kinh doanh - mà đó là vì Bapak Bapak đặt tôi vào vị trí đó mà hậu quả là kinh doanh đã thất bại. Nhưng cũng có những người đánh giá đúng việc làm của tôi; họ nói tuy không tìm cách làm gì, tôi đã đem may mắn đến cho kinh doanh.

Khi có một cuộc tranh biện giữa phía tham gia Indonesia và phía nước ngoài, tôi bị nghiền nát giữa đôi bên như thíp kẹp trong bánh mì. Phía tham gia Indonesia gọi tôi là một kẻ phản bội vì thiên vị người nước ngoài, còn phía nước ngoài thường còn nghĩ tôi thiếu thành thật, đôi khi còn gọi tôi là bất lương. Tôi ý thức được cái nhược điểm thường dẫn tới những hậu quả trầm trọng là cái tính lười biếng của mình: tôi lười biếng đến nỗi không muốn làm công việc của mình và bày tỏ sự căn trọng đối với nó.

Tôi quả quyết là có sự khác biệt trong văn hóa kinh doanh của người Indonesia và Tây phương.

Tôi còn nhớ những ngày tháng mình còn ở Kampong, cái cảm giác về nó vẫn còn đó, tuy hiện nay trong một hoàn cảnh khác. Khi muốn mua một thứ gì đó của một trong hai cửa tiệm kề cận nhau, tôi luôn tìm cách tránh chợ tiệm kia biết được. Tôi chịu khó đi theo một con đường xa hơn, để khỏi đi ngang qua phía trước tiệm đó. Đó là một lối văn hóa của Indonesia vẫn còn thấm sâu trong tâm tôi. Thái độ kín đáo, tránh biện luận và ép buộc, tranh giành cho mình hàng đầu là một trong những gì văn hóa của Indonesia. Điều khôi hài là tại những tiếp tân và hội họp trọng thể, mọi người chỉ muốn ngồi phía sau, nhưng khi lên xe buýt hay xe lửa, người ta lại không chịu đứng xếp hàng: mọi người tranh giành cho mình hàng đầu.

Có những điều liên hệ tới gia đình có thể khiến cho sự việc trở nên phức tạp, nếu áp dụng vào kinh doanh, như sự kiêng kỵ không cho phép “tạo vấn đề” cho bố mẹ hay thượng cấp mình. Chúng tôi chỉ báo cáo các vấn đề cho bố mẹ và thượng cấp, khi mình đã khắc phục được nó. Một lối văn hóa khác của Indonesia là sự không thích đề cao tài năng mình. Trong không khí một kinh doanh, điều đáng buồn là cái thái độ đó có thể bị hiểu lầm là thiếu thành thật.

Mặt khác, phía tham gia Indonesia coi hầu hết những lối hành xử của phía tham gia nước ngoài là ngạo mạn. Người nước ngoài đề nghị muốn trợ giúp, nhưng người Indonesia lại coi đó là một thái độ hợm hĩnh kiêu căng. Tôi đã từng nghe một đôi tác nói rằng kinh doanh chỉ có một tiêu chuẩn độc nhất, rằng không có điều gì như sự khác biệt giữa văn hóa kinh doanh của A Châu và Tây phương. Với tôi như vậy là ngạo mạn.

Khi tôi xin Bapak cho biết ý kiến về sự đối nghịch đó, Bapak nói rằng mỗi quốc gia đều có một văn hóa riêng biệt, ngay cả mỗi nhóm người trong một xã hội cũng có văn hóa riêng biệt của họ. Điều đó không thể coi thường. Nhưng nếu có xung đột giữa hai văn hóa khác nhau, thì đó là sự phân chiều nội dung nafsu của mỗi bên. Thế nên, điều nên làm là tạo thông cảm giữa những văn hóa khác nhau, để gạt bỏ ảnh hưởng của nafsu.

Thực tế, gạt bỏ ảnh hưởng của nafsu không là chuyện dễ làm. Tôi đã thử nhiều cách. Cách tốt nhất tôi thấy cho tới nay là tránh đổ tiếng xấu cho người ta, và đừng bao giờ tìm cách trách oan họ. Chúng ta nên có khả năng nói cho nhau biết những khác biệt trong văn hóa của đôi bên, để tìm một chỗ đứng chung, dù chỗ đó có nhỏ bé và việc làm đó có khó khăn tới đâu đi nữa. Nhưng trong các kinh doanh Subud, nêu theo đúng cái lẽ phải đó, như vậy thường có nghĩa bỏ mất cơ hội, mà hậu quả là bỏ phí thời gian và đình hoãn các quyết định.

Đương nhiên tôi ý thức được những điều kiện và sự cạnh tranh đối với Subud đòi hỏi hiệu suất và kiên thức kinh doanh. Chúng ta phải đạt được mục tiêu là sản xuất với phí tổn thấp nhất. Không đạt được điều đó, chắc chắn chúng ta sẽ khó tồn tại được. Nhưng tôi cũng tin rằng Thượng Đế đã tạo chúng ta ra trên cái thế gian này với nhân phẩm, rằng Thượng Đế cũng cho chúng ta cơ hội thành công và hưởng thụ theo nhân phẩm mình. Hiệu suất và kiên thức

kinh doanh không thể thiếu nhân phẩm. Thế nên, chúng ta cần phải thận trọng và tinh táo với những tình cảnh trái ý, mà không làm tổn thương nhân phẩm vì hiệu quả và lợi lộc kinh tế. Nếu không thì chúng ta sẽ cho phép vật chất làm chủ lấy mình, thay vì dùng nó để phục vụ cho mình.

Tôi hiểu rõ sự quan trọng của tinh thần chuyên nghiệp, nhưng không vì vậy mà chấp nhận một sự chuyên nghiệp lạnh lùng trở thành máy móc, thiếu nội dung nhân bản -như một kẻ đấm bóp chỉ quan tâm tới kỹ thuật mà không thể nối kết cảm xúc mình với những gì đựng vào với bàn tay.

Tôi cũng không tin tưởng sự chuyên nghiệp khô khan, tức là thiếu về nghệ thuật -như một kẻ chơi đàn dương cầm với kỹ thuật hoàn hảo, nhưng sự biểu cảm của nghệ thuật thì không có là bao.

Tôi thực sự tin tưởng có sự chuyên nghiệp và hoàn thiện không thiếu vắng nội dung nhân phẩm và nhân tính: những dịch vụ và hàng hóa để cải thiện chất lượng đời người, cho bên nhận lãnh cũng như bên cung cấp.

Tìm cách phối hợp hai văn hóa, tôi thường phải đối diện tình trạng bất quân bình giữa phe tham gia Indonesia và nước ngoài: nhiều hội viên Indonesia là những công chức, nên họ chỉ có thể hoạt động trong bóng tối, và ta chỉ có thể dựa vào ảnh hưởng và sự lên tiếng của một vài người trong họ trong cộng đồng. Tất nhiên cách đóng góp đó không thể không rủi ro. Vì những hoàn cảnh đó, tôi khó có thể định lượng có bao nhiêu hội viên tham gia và đóng góp, bởi văn hóa Tây phương chỉ nhìn nhận một sự tham gia xác thực.

Chúng tôi được giáo dục thành những người không có đầu óc cạnh tranh giữa bạn bè và người cùng nhà, bởi như vậy sẽ làm yếu hại thậm chí mất đi những liên hệ gia đình và bè bạn.

Điều này không chỉ xảy ra ở Tây phương, mà ngay cả tại Indonesia, là có những mục tiêu nào đó được phân minh thành trắng và đen, như không đếm xỉa tới nhận phẩm. Do sự thúc đẩy của nafs, một tình trạng như vậy có thể xảy ra, khiến có những tranh cãi để thủ thắng, thay vì đi tìm sự thật.

3. Sự thật về vụ bán ngân hàng Susila Bakti

Năm 1986 chúng tôi phải bán Ngân Hàng Susila Bakti mà mình đã lập nên với nhiều mồ hôi nước mắt. Ban đầu đó là Ngân Hàng Maritim, trước khi được bàn giao cho Subud quản lý ngày 22 tháng 6 năm 1973.

Tuy hiện nay đã thành quá khứ nhưng chuyện đó đã để lại những hồi ức khó ưa về nhiều phương diện. Theo tôi, Ngân Hàng đã đặc lực phục vụ cho Subud bằng cách:

- tạo môi lên hệ chung cho các hội viên Subud trên khắp thế giới.
- tạo vốn đầu cho nhiều kinh doanh Subud, lớn và nhỏ, địa phương và quốc tế.

Tôi bắt đầu tham gia Ngân Hàng Susila Bakti với tư cách thành viên ban giám đốc, rồi tổng giám đốc.

Quyết định bán Ngân Hàng được phân tích dưới sự chủ tọa trực tiếp của Bapak trong một buổi hội thảo gồm những người trong ban giám đốc và các cố vấn.

Đối với những người ngoại cuộc vụ bán đó có vẻ đột ngột và nhanh chóng. Thực tế, quá trình bán và điều đình mất gần một năm, vì phải kín đáo tình trạng hốt hoảng là giảm giá trị các cổ phiếu. Vì là tổng giám đốc tôi đôi khi còn phải nói dối, khi trả lời những câu hỏi của bạn bè và những người đầu tư: tôi nói tin đồn Ngân Hàng phải bán đi không là sự thật, trong khi những cuộc điều đình đang tiến triển.

Bởi việc đó có vẻ đột ngột, nhiều bạn bè hay nhà đầu tư đòi hỏi chuyện đó phải được minh định. Với khuôn khổ nhỏ hẹp của sách này, tôi không viết nhiều về vụ đó, nhưng sẽ tìm cách thể hiện trải nghiệm của mình.

Tuy vụ đã qua lâu rồi nhưng những gì liên quan tới một ngân hàng, hay bất cứ công ty nào, đòi hỏi phải được bảo mật, đặc biệt tên tuổi người ta.

Khoảng hai năm sau khi Ngân Hàng Susila Bakti phải bán, chính quyền định một luật lệ mới về việc cấp phát môn bài cho các ngân hàng. Từ trước tới nay, chính quyền đã không cấp phát môn bài cho những ngân hàng mới, nên nhiều ngân hàng đã thay đổi chủ bằng cách mua bán những môn bài hiện có. Tất nhiên chúng tôi đã không tiên liệu những gì sẽ xảy ra. Tôi cảm thấy mình được sự che chở của Thượng Đế là chúng ta đã bán ngân hàng hai năm trước đó.

Ngoài ra còn một số vấn đề khiến phải bán:

a) Càng lúc càng có những xung đột và ý kiến khác nhau về cách quản lý ngân hàng.

b) Số tiền cho vay của ngân hàng đã vượt quá cái giới hạn của nó.

c) Muốn cứu vớt ngân hàng thì phải đổ thêm vốn vào để trang trải những món nợ của nó, nhưng vốn của những người đầu tư và có cổ phần thì đã kiệt quệ.

d) Tinh thần và sự liêm chính của các nhân viên xuống thấp một cách đáng ngại.

Susila Bakti chỉ là một ngân hàng nhỏ bé. Tài sản của nó đứng thứ 25 trong số 70 hay khoảng đó ngân hàng tư nhân. Bởi là một “Kinh Doanh Subud,” nên có sự tham gia của nhiều nhân vật, trong quản lý cũng như trong quá trình bán đi. Trách nhiệm của các giám đốc là duy trì trong tình trạng không bị lung lạc để bảo vệ những người có cổ phần khỏi cơn “biến động đột ngột.”

Nhiều bạn bè trong Ngân Hàng Trung Ương (Ngân Hàng Indonesia) cũng như trong những ngân hàng tư nhân đều có cảm tình với ngân hàng của chúng ta. Mọi người đều bày tỏ mong ước là nếu Susila Bakti đổi chủ, thì chủ nhân của nó vẫn là những người Indonesia.

Cuối cùng thì việc đem bán đi đã âm thầm được khởi đầu. Các giám đốc, các thành viên trong Hội đồng Ủy ban, các thành viên trong ban Cố Vấn, có nhiệm vụ đi tìm người mua. Mọi người đều báo cáo công việc của họ cho tôi, còn tôi thì báo cáo lại cho Bapak.

Tìm cách bán Ngân Hàng Susila Bakti, chúng tôi không bị cạnh tranh: hình như chỉ có độc nhất một ngân hàng khác là muốn bán đi, hoặc đang đi tìm một đối tác hay một liên doanh. Ngoài ra, việc làm âm thầm của chúng tôi đã tìm thấy nhiều người muốn mua. Tất nhiên chúng tôi lấy làm phần khởi vì biết có khá nhiều người muốn mua, nhưng đó cũng là vấn đề. Chúng tôi vẫn còn phải tham khảo ý kiến của Bank Indonesia, Ngân hàng Trung ương, theo đúng luật pháp, để biết phải làm gì. Nhưng điều khiến kinh ngạc hơn là đôi khi có người thiết tha muốn mua thấy phải dùng áp lực để bắt chúng tôi bán.

Cuối cùng thì tất cả các cổ phần của Ngân Hàng Susila Bakti phải bán cho một nhóm người mua bản địa, trong đó có cả khu đất cho dự án khách sạn của PT.S Widjojo. Hậu quả là khu đất mà dự tính ban đầu là cho khách sạn, đã phải bán đi, nhưng vị thế của PT.S Widjojo thì trở nên vững vàng hơn để có thể tiếp tục những xây cất cần thiết.

Nhưng chuyện đó không chỉ có bấy nhiêu. Trong giai đoạn cuối, điều cần phải định rõ là quyền lợi và nghĩa vụ của những công ty Subud. Chuyện đó không dễ làm, bởi mỗi giám đốc phải gao tranh đấu cho quyền lợi công ty mình: điều không thể tránh là đôi khi có một vụ tranh cãi sôi nổi.

Nhiều văn kiện chuyển giao hàng trăm trang phải được ký kết từng cái một giữa những thụ ủy của bên mua và bên bán. Những văn kiện đó được chuẩn bị ngày và đêm cho nhiều ngày trong một cuộc chạy đua giữa đôi bên với các cố vấn hợp pháp của nhau.

Một vài người đầu tư và có cổ phần cho bán đi là đúng, nhưng những người khác thì lấy làm tiếc mà đòi hỏi một sự thỏa thuận khá hơn. Một chuyện nên nhắc lại là trong giai đoạn cuối cùng của điều đình (điều chỉ xảy ra sau khi đã quá nửa đêm tại văn phòng một cố vấn luật pháp): có hai người Indonesia có cổ phần đã kiên nhẫn ngồi trong phòng chờ đợi, vì họ muốn chứng minh là đã tiếp nhận được trong Latihan là ngân hàng không nên bán.

Phải mất khá nhiều thời gian mới phục hồi lại được quan hệ thân thiện giữa những người cho bán đi là đúng với những người lấy làm thất vọng. Hầu hết mọi người đều bày tỏ ước muốn là một lúc nào đó trong tương lai Subud sẽ lại có ngân hàng của chính mình.

CHƯƠNG BỐN

NHỮNG CHUYỆN LẶT VẶT

1. Khi nào tôi cảm thấy thích thú.

Khi tuổi đã 60 hay hơn, như tôi đây, người ta thường tự hỏi là đời mình có được hạnh phúc hay không. Tìm cách trả lời câu hỏi đó thì phải moi trong kí ức: khi nào và như thế nào mình cảm thấy thoải mái?

Có lẽ có những cách nhìn khác nhau, thậm chí chống chọi nhau, về hạnh phúc là gì. Mò xé nó ta thấy có hai cách hạnh phúc hay mãn nguyện.

Cách thứ nhất là đạt được những ước nguyện của mình. Nhưng cái ước nguyện đó thực ra là sự biểu lộ của nafsu, nên bản chất của mãn nguyện chỉ là sự thỏa mãn của nafsu.

Cách thứ hai là sự mãn nguyện liên quan tới sự thành đạt của phẩm chất cuộc đời mình. Bởi kính sợ Thượng Đế nên ước nguyện của mình nên là cảm nhận được ân phước của Thượng Đế, và điều đúng là điều theo cách Thượng Đế muốn.

Tôi không muốn duy lý hóa hai cách mãn nguyện đó, vì tin rằng như vậy là thích đáng hơn nếu tìm cách cảm nhận sự khác biệt giữa hai cách đó. Điều khôi hài là chúng ta chỉ cảm nhận được, sau khi nó đã trôi qua.

Dù là một ước nguyện không dính tới nafsu, hay chỉ là một ý định, hay sự mãn nguyện của nafsu, điều đó khó phân biệt được. Như đã nói trên kia, như vậy không khác gì việc chẻ đôi một sợi tóc.

Xét về phương diện dài lâu, sự vui sướng, mãn nguyện hay thích thú, có thể thoáng qua, trong giây lát, hay bất ngờ, nhưng cũng có những thích thú trường tồn, lặp lại nhiều lần, hay sau đó có thể xảy ra.

Tôi định nghĩa vui thích là một số những điều liên tiếp xảy ra hay lặp lại nhiều lần. Tôi không muốn vui sướng trong giây lát như một kẻ nghiện rượu, để rồi sau đó trở nên chán nản thất vọng. Tôi cũng không muốn vui sướng quá độ như tiêu hết mọn tiền mình vừa mượn của ngân hàng, để rồi sau đó bị khó khăn trầm trọng khi phải trả nợ. Mặt khác, tôi không thích cái quan niệm tri hoãn hạnh phúc, bằng cách chằng hạn như làm *prihatin* (tiết dục), bởi cái phúc mình mong ước trong tương không có gì bảo đảm là sẽ xảy ra, mà mình còn có thể bị đau ốm vô phương cứu chữa, hay hoàn toàn bị bắt lực. Thế nên, tôi chỉ muốn được tự nhiên để hưởng thụ đời mình. Đó là cách nhìn của tôi về hạnh phúc.

Ngay cả khi tìm cách nhớ lại những gì khiến mình vui sướng, tôi cũng thấy thích thú. Tôi bất chấp hạnh phúc đó xảy ra như thế nào. Ở đây tôi xin được liệt kê những điều thích thú. Cái danh sách đó tôi không chia từng phần, mà để cho lẫn lộn. Tôi cũng sẽ không viết theo thứ tự, để cho người đọc khỏi thấy chán.

Tôi cảm thấy vui sướng, khi đang xem một màn kịch đèn chiếu. Một trong đứa con tôi hỏi:

- Bố xem kịch đèn chiếu thì có gì là thích thú? Bố đã biết cốt truyện ra sao, và đã từng xem đi xem lại nhiều lần rồi mà?

Thực vậy, tôi đã biết cốt truyện từ đầu tới cuối, nhưng như vậy không có nghĩa là tôi mất hứng thú. Tôi thích nghe giọng nói của người *Dalang* (người điều khiển những con rối). Tôi thích nghe những âm thanh sinh động của dàn nhạc gamelang. Điều tôi thấy còn hấp dẫn hơn là tài nghệ trình bày cốt truyện của người *Dalang*. Do đó mà tôi thích những màn kịch đèn chiếu với vẻ đẹp và sự trang nghiêm của nó. Ngoài ra, tôi còn bái phục sự dũng cảm và n

lực trình diễn tài nghệ tuyệt vời của người Dalang.

Đứa con nói trên cũng hỏi:

- Tại sao bố lại rất thích xem đấu võ?

Câu hỏi đó tôi tự trả lời cho mình:

- Tôi thích xem những nỗ lực chứng tỏ tài năng siêu tuyệt của con người.

Đôi khi tôi có một cảm giác mơ hồ là mình thấy mất nguyên, nếu cố ý quên đánh răng trước khi đi ngủ. Đương nhiên tôi biết được đó chỉ là một cảm giác chốc lát, vì ý thức được mình sẽ phải chịu hậu quả của việc sau này răng bị hư. Theo tôi, hạnh phúc là được tự do và có can đảm. Tự do không chịu phục tùng, và can đảm đã phá các quy tắc. Có lẽ vì vậy mà người ta đã gọi tôi là một đứa trẻ phản nghịch, như đã nói tới trong chương trên. Vậy nên, theo tôi, hạnh phúc là cái cảm giác được tự do và có can đảm thi hành quyền lợi mình và quyết định cho chính mình. Có lẽ cái hạnh phúc đó phản ánh cái cảm giác không muốn bị chê trách vì một cuộc điều đình kinh doanh thâm hiểm? Tôi nhớ tới chuyện một anh bạn là nghệ sĩ đã cảm thấy hết sức thích thú của mình. Về nhà sau ba ngày đi hoang, anh chơi khăm thiên hạ bằng cách nói mình bị bệnh tâm thần.

Trên đường tới chỗ chơi đánh gôn, tôi lấy làm thích thú trong lúc tìm mình đập nhanh. Thực vậy, đôi khi tôi nản lòng vì cơn nặng trong lúc tới đó, nhưng một khi đã tới rồi thì tôi luôn cảm thấy mình là ông chủ của chính mình. Có lẽ các con cháu tôi sẽ tìm cách phân tích cái cảm giác đó.

Tôi cảm thấy âm thầm vui sướng, khi đang đợi chờ các con cháu mình tới thăm. Khi tất cả chín đứa cháu của tôi cùng đến, chúng đồng thời cùng nói, và đó là điều làm tôi nhức đầu. Tôi thường tự nhốt mình trong phòng mình, nhưng đó không là điều khiến tôi mong đợi chúng tới thăm.

Tôi thích thú tiêu tiền.

Tôi thích thú hồi đáp năm bức thư hay nhiều hơn, lúc xong công

việc ở văn phòng.

Tôi thích thú lúc Bapak đặt mình vào lòng, trong khi dạy mình chơi nhạc gambang.

Tôi thích thú lúc bài viết mình được đăng trên báo.

Tôi thích thú nhận thức được mình có căn nhà của chính mình.

Tương tự, lúc mình đang lái chiếc Mercedes Benz mình đã mua.

Tôi thích thú lúc có mặt các con cái mình, và tôi biết họ thương yêu, săn sóc và giúp đỡ cho nhau.

2. Giúp cho những ai bị chứng mất ngủ.

Gia đình và bạn bè tôi đều biết tôi là một người dễ ngủ. Khi tôi chúc ngủ ngon và đi vào phòng ngủ, thì một hay hai phút sau nhà tôi thấy tôi đã ngủ.

Tôi nhận thấy mình có thể ngủ dễ dàng khi còn trẻ, và đã thử xem nó như thế nào. Vừa rồi, trong năm 1995, một kiến trúc sư trong ban quản trị của văn phòng tôi đến gặp tôi với chứng mất ngủ của anh. Tôi có lời khuyên này cho anh: “Anh thử cách này xem sao. Khi nằm xuống ngủ, kiểm soát hơi thở mình bằng cách thở ra thật ngắn ngủi.”

Tôi nhận thấy cái quá trình buồn ngủ, khi ở cùng phòng với một sinh viên bạn cũng là hội viên Subud tại đại học Gaja Mada. Điều thứ nhất tôi nhận thấy là có những người khi đã ngủ thì khó đánh thức họ dậy, nhưng những người khác thì lại khó ngủ. Hai đứa chúng tôi cùng học hành để chuẩn bị thi cử, nhưng ngay sau khi chúng tôi mở sách ra học thì anh đã trong trạng thái yên lặng bất động, đầu đặt trên bàn tay, mắt nhắm lại. Tôi chơi khăm anh bằng cách lật qua trang kế tiếp cuốn sách của anh. Khi mở mắt ra, anh tỏ vẻ ngạc nhiên và nhìn tôi từ khóe mắt anh, nhưng vì kiêu hãnh nên anh không hỏi tôi. Tôi đề nghị là có lẽ chúng ta phải đi ngủ để học tiếp sáng sớm mai. Tôi hầu như lập tức ngủ, nhưng ngay sau đó đã thức dậy vì anh bạn tôi thao thức không thể ngủ.

-Nếu bạn không thể ngủ, tôi bật đèn lên nói với anh, thì chúng ta

cùng nhau tiếp tục học.

Nhưng ngay sau khi chúng tôi lấy sách ra học, đầu anh lại đặt trên bàn tay anh. Có lẽ anh đang nằm mơ về kỳ thi.

Tôi nhanh chóng nhận thấy trong lúc học anh tìm cách nhớ lại đề tài học, còn tôi thì chỉ muốn hiểu những gì mình học. Tôi có cảm tưởng anh không thích cái đề tài anh đang đọc. Anh nói anh không thích hiểu biết, mà chỉ muốn nhớ lại.

Những ngày kế tiếp, tôi thử nhận xét thêm một vài điều, để tìm xem những điều kiện nào khiến mình dễ dàng ngủ. Tôi nhận thấy đó là do hơi thở và nhịp tim mình. Nếu nhắm mắt nằm xuống mà chỉ nghe thấy hơi thở mình, thì tôi tức khắc ngủ được. Nhưng nếu nghe thấy nhịp tim mình, tôi mất nhiều thời gian hơn mới ngủ được.

Vấn đề là làm thế nào để cho mình không ý thức được cái này hay cái kia, và tất nhiên là tôi phải thử nhận xét xem ra sao. Chẳng hạn, nếu bị kích thích, buồn chán hay bức tức, thì sẽ nghe thấy nhịp tim đập mạnh hơn. Tôi nhận thấy có một cách siêu hơn là tự đặt mình vào nơi giữa âm thanh của nhịp tim và hơi thở: tự đặt mình vào những ý nghĩ của mình. Theo kinh nghiệm của tôi, khi tôi coi là một chủ thể, tức là ý thức được chính mình, do đó hơi thở sẽ trở nên đều đặn. Ngược lại, khi coi mình là một đối tượng, tôi trở thành một kẻ bị quan sát, thì âm thanh nhịp tim sẽ trở nên rõ hơn.

Về già, tôi đạt được cái khả năng “đặt óc não mình tại nơi tôi muốn nó tới.” Tôi không biết điều đó có thể truyền dạy cho hay hiểu thấu được bởi những ai chưa nghiệm được Latihan Kedjiwaan của Subud hay không. Tôi có thể chỉ thị cho óc não là mình muốn đi ngủ: “Ốc não, đi tới phía trước!” Tôi liền thường cảm thấy một sự thay đổi vị trí, khiến cho tựu điểm những hoạt động trong đầu là đằng sau trán và phía dưới đỉnh đầu. Nếu tựu điểm là phía trước đầu, tôi lập tức buồn ngủ. Ngược lại, nếu tựu điểm ngoan cổ nằm đằng sau đầu, tôi mất vài thời gian mới ngủ được.

Thực ra thì có hai cách giúp mình buồn ngủ. Cách thứ nhất là chỉ việc chú ý tới nhịp thở thay vì nhịp tim. Về già, phương cách sơ đẳng đó dần dần mất hiệu nghiệm. Nên cần phải dùng cách thứ hai cùng với cách sơ đẳng: khi thấy khó kiểm soát được tựu điểm

của óc não như nói trên, tôi thường đổi qua cách thứ hai. Mỗi lần thở ra, tôi cố tình thở một cách ngăn ngùi, nhẹ nhàng và tự nhiên mà không nghĩ ngợi gì. Nói cách khác là tôi thở vào dài lâu hơn mà không cố tình. Cách thở vào đó thật êm dịu cho cổ họng, và làm tôi nhanh chóng buồn ngủ hơn.

Vội nhà tôi Ismana thì khác hẳn: bà nói mình không thích lý thuyết. Khi khó ngủ, bà tập Latihan Kedjiwaan cho tới khi buồn ngủ.

Lúc viết sách này tôi 67 tuổi và vẫn còn ngủ dễ dàng. Nhưng khi cố vấn đề với trí óc và khó buồn ngủ, cách thứ hai đó chỉ hiệu nghiệm một phần nào. Cuối cùng thì tôi cũng ngủ được, theo nghĩa là không ý thức được những gì xảy ra chung quanh mình. Nhưng khi thức dậy, tôi thường cảm thấy mình đã không ngủ ngon, mà trí óc thì vẫn còn hoạt động.

Tôi không được dịp hỏi anh kiến trúc sư nói trên là anh có thứ hay không cái phương pháp tôi chỉ cho anh, vì tôi đã từ nhiệm.

3. Những cảm tưởng cuối.

Khi đặt chân trên đất Mỹ cuối tháng 7 năm 1997, trước khi chúng tôi dự Hội nghị Subud Thế giới tại Spokane, Washington, tôi bị chói tai vì những tin tức trên TV về số lượng và sự phức tạp của những vấn đề trên thế giới. Mỗi lần, tôi đã phải hoang mang vì những giải pháp giản lược của các chính khách.

Tôi thấy ở Mỹ, cũng như Âu Châu, có nhiều là nhiều những vấn đề trình bày trong các chương trình TV, dù đó là tin tức, những cuộc hội thảo, hay những chương trình đồ vui. Người ta tranh luận về vấn đề đạo đức của một y sĩ giúp cho những kẻ bệnh tật vô phương cứu chữa và thấy đời không đáng sống nữa được chết theo ý muốn. Ở Mỹ có một cuộc tranh luận về sự lương thiện và bất lương đối với những món tiền tặng cho cuộc tranh cử của đảng Dân Chủ do nước ngoài và phe ngoại quốc (vụ liên quan tới cả một chủ ngân hàng Indonesia). Có cuộc tranh cãi về sự xung đột giữa Thái tử Ranarith và Hun Sen của Kampuchea. Có một kẻ tự sát bằng bom đạn ở Jerusalem làm cho 10 người khác chết theo. Đó là chưa nói tới cuộc khủng hoảng tiền tệ nhân sự mất giá của đồng Bath và Peso.

Mặt khác, có những tin đáng mừng, nhưng ảnh hưởng của nó không tốt đẹp cho nhân sinh. Chẳng hạn như những phát triển trong công nghệ điện tử về dây cáp quang tuyến (optical cable) sẽ thay đổi tận gốc sự truyền thông trên thế giới. Cái công nghệ mới đó sẽ đẩy mạnh cạnh tranh trong kinh doanh, nhưng cũng sẽ cổ vũ tình trạng người ăn thịt người. Tầm hoạt động sẽ rộng lớn hơn nhiều, nhưng nhiều người sẽ mất đi đời tư của họ.

Căn nguyên tất cả những vấn đề phức tạp đó chưa từng được giải quyết, mà lại bị chính trị hóa cho những chương trình mờ ám nào đó. Hình như giải pháp của các vấn đề đã bị giản lược hóa một cách xảo trá. Dù người ta cố sức che giấu tới đâu đi nữa, những chương trình chính trị đó không thể không lộ hình. Có lẽ vì vậy mà các vấn đề không bao giờ hết, mà chỉ càng lúc càng lớn mạnh và phức tạp hơn. Hiên nhiên tư lợi đã giới hạn nỗ lực giải quyết các vấn đề. Sự giản lược hóa các vấn đề được nhận thấy rõ trong những tin mà tôi đã nghe tháng 7 vừa rồi. Chẳng hạn như trường hợp Jerusalem, giải pháp của tổng thống Clinton dựa trên những tiêu chuẩn:

1. Không hại cho danh dự nước Mỹ
2. Không chấp nhận bất cứ hình thức khủng bố nào.
3. Không có sự can thiệp của một quốc gia vào nội bộ một quốc gia khác.

Ở Á Châu những vấn đề phức tạp của Kampuchea làm cho các quốc gia Asean đưa ra những tiêu chuẩn trong chính sách của mình:

1. Sự ổn định chính trị của vùng.
2. Sự không can thiệp vào nội bộ một quốc gia khác.

Những tiêu chuẩn đó có vẻ như cho thấy một đường hướng rõ rệt, nhưng theo tôi thì sẽ không bao giờ tạo ra những giải pháp trường tồn đi vào tận đáy của vấn đề.

Tôi không thể không đặt câu hỏi: “Chỗ đứng của Subud là đâu và vai trò của mình là gì trong tất cả những cuộc tranh cãi đó?”

Động cơ khiến chúng ta tập Latihan Kedjiwaan của Subud càng

lúc càng trở nên mãnh liệt. Ban đầu chúng ta chỉ muốn biết cái giải đáp cho câu hỏi day dứt trong tâm mình, nhưng hiện nay chúng ta muốn tiến bộ hơn, để có thể tiếp nhận sự hướng dẫn của Thượng Đế, để tận tâm phụng thờ thâm sâu hơn mà trở thành những con người tốt hơn, theo ý muốn và con đường của Thượng Đế. Ngoài cái động cơ đó ra, chúng ta còn thấy có một xã hội tốt đẹp hơn, một môi trường được cải thiện của thế giới. Chúng ta càng lúc càng tin tưởng là Latihan Kedjiwaan của Subud được ban cho con người, bởi jiwa và trí tuệ mình đã bị tách biệt khỏi sự phụng thờ và hướng dẫn của Thượng Đế, khiến ta có thể trở về con đường của Thượng Đế. Thế nên, đó là điều chúng ta cần phải suy ngẫm.

Không có lí do nào khiến chúng ta kiêu hãnh và tự phụ cho Subud là giải đáp khắc phục được những vấn đề của thế giới. Theo tôi, điều mong ước là Subud có thể có một ảnh hưởng GIÁN TIẾP trong việc tìm cách giải quyết những vấn đề đó. Ngay cả những người Subud cũng bị hút vào con lốc của bất cứ vấn đề nào, khiến bị chết chìm trong đời mình. Tôi dùng từ ‘GIÁN TIẾP’ vì chúng ta không thể áp dụng Latihan Kedjiwaan vào việc giải quyết những vấn đề đó, và những cá nhân như chúng ta không thể tự cho mình biết được giải pháp. Bởi là con người nên chúng ta luôn phải cố gắng, nhưng có kết quả hay không là do sự cho phép và dung thứ của Thượng Đế.

Còn nafsu bên cạnh cuộc sống chúng ta, tức là còn những vấn đề trong quan hệ người này với người kia. Chúng ta mơ ước là Subud sẽ có một vai trò trong việc nâng cao nhân phẩm, theo Ý Thượng Đế. Chúng ta chỉ có thể mong cho điều đó sẽ thực hiện được không những qua vai trò các hội viên Subud, dù cá nhân hay tập thể, mà còn qua quyền lực của Latihan Kedjiwaan. Bởi bên cạnh chúng ta luôn có trí óc và nafsu mình. Điều cần thiết là được gần cận Thượng Đế để cầu xin không những cho có sức mạnh, mà còn được an tâm và kiên nhẫn.

Tôi đã mất nhiều trang giấy bàn luận về sự khó khăn và phức tạp trong việc đi tìm và sống theo chân ngã mình, trong đó chúng ta đối diện sự phức tạp của môi trường và thế giới. Đối với chuyện đó chúng ta không nên tự phụ coi mình có trách nhiệm đối với giải pháp của những vấn đề phức tạp đó. Chúng ta cần biết được chỗ đứng thích đáng của mình để suy ngẫm về trách nhiệm mình. Biết được chỗ đứng mình, mỗi người chúng ta sẽ trong vị trí trọng vọng

và thông cảm nhiệm vụ và trách nhiệm của những người khác. Chúng ta nên cầu xin cho Thượng Đế hướng dẫn mình, khiến biết được con đường mình phải đi.

Cuối cùng, tôi xin được nói điều này với các con cháu mình: “Hãy cương quyết đối diện những thực tại và vấn đề của cuộc sống. Đừng bao giờ quên cuộc sống trên cái thế gian này là có đầy những lời cuốn đủ loại của nafsu. Hãy đặt mình vào nơi được gần cận với Thượng Đế. Hãy thành tín phụng thờ tùy theo tôn giáo mình và siêng năng tập Latihan Kedjiwaan của Subud.”

gn
2020

